



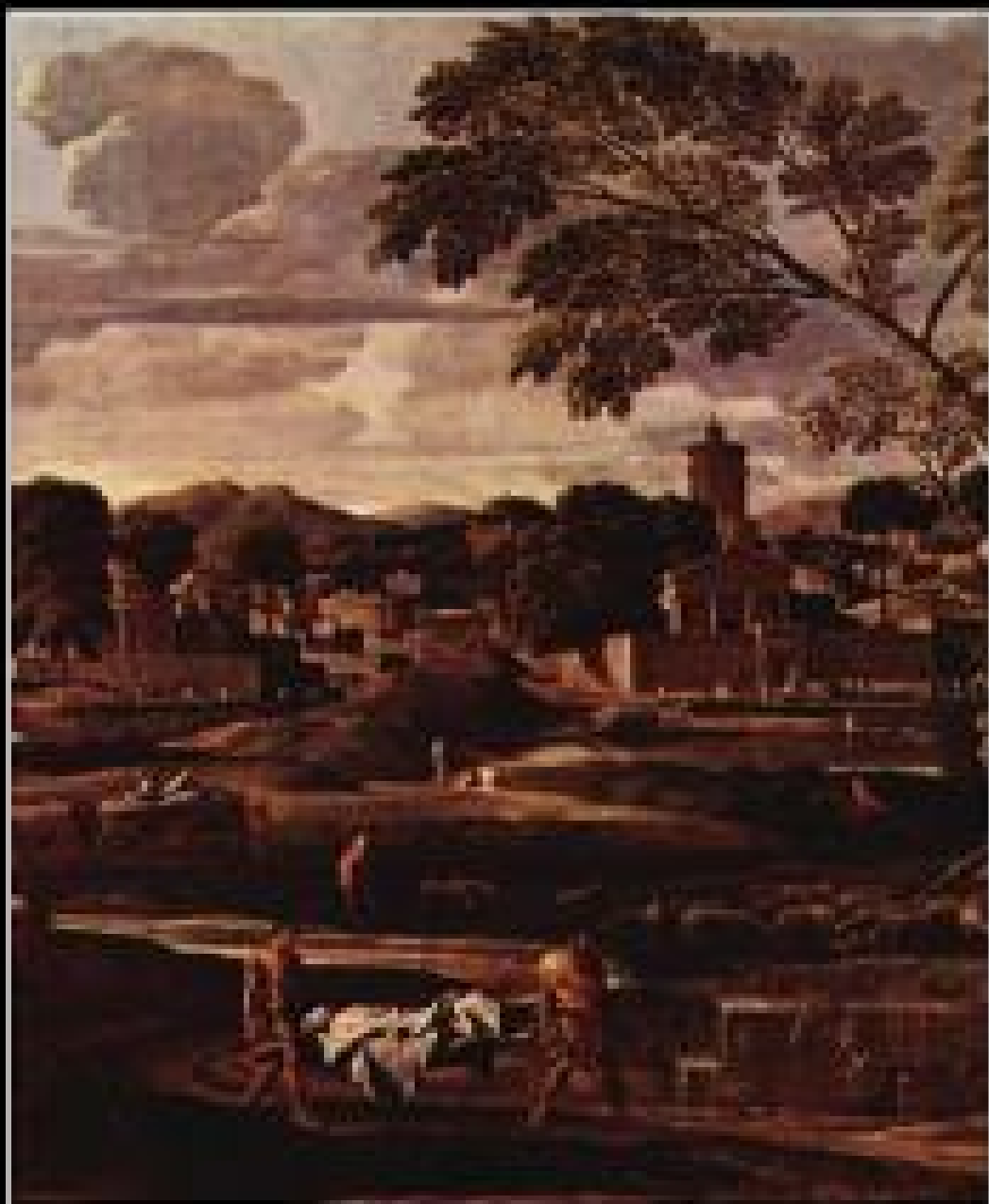
The Spartan Twins

Lucy Fitch Perkins

D O D O



P R E S S



The Spartan Twins

Lucy Fitch Perkins

D O D O



P R E S S

Chị em song sinh người Sparta

Nguyên tác: The Spartan Twins

Lucy Fitch Perkins

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Lời giới thiệu

Lucy Perkins là nhà văn người Mỹ và cũng là người chuyên vẽ minh họa cho sách thiếu nhi. Loạt truyện “Song Sinh” 26 cuốn là kiệt tác để đời của bà, đã được dịch ra nhiều thứ tiếng trên toàn thế giới. Bộ truyện được sáng tác trong khoảng hai thập niên, từ 1910.

“Chị em song sinh người Sparta” (1918): Là một tác phẩm mang tính giáo dục cao cả về mặt đạo đức lẫn phương diện lịch sử, văn hóa. Cũng như các cuốn khác trong loạt truyện “Song sinh”, cuốn sách này xoay quanh cuộc sống của một cặp song sinh khác giới tính, cô chị là Daphne và cậu em là Dion. Tổ tiên của hai chị em vốn là người của thành bang Sparta hùng mạnh, song vì cuộc chiến tranh với người Ba Tư nên lưu lạc đến một hòn đảo ở ngoài khơi thành bang Athens. Ông Melas, bố của hai anh em, trở thành người chăm sóc đất đai cho Quan Chấp Chính Pericles, một nhà chính trị lỗi lạc của thành bang Athens.

Hai chị em giống nhau như tạc, song thân phận của Daphne có vẻ “thấp kém” hơn, vì cô bé là con gái.

Do ngoại hình và bản tính, Daphne thường xuyên bị nhầm lẫn là con trai, song cô bé chẳng bao giờ thêm cái chính. Câu chuyện xảy ra năm hai anh em lên 10, bắt đầu đến tuổi phụ giúp công việc chăn nuôi, trồng trọt trong gia đình. Đúng lúc đó, có một con cừu trong đàn hạ sinh một con chiên một sừng. Vì chuyện đó, ông Melas phải đến Athens để tìm người giải đoán điềm lạ này. Thoạt đầu, ông chỉ định đưa Dion theo, nhưng về sau cả Daphne cũng được đi. Hai chị em đã có một chuyến phiêu lưu rất thú vị ở Athens và còn được gặp Quan Chấp chính Pericles thông thái.

Qua nhân vật Daphne, nhà văn khơi gợi lên nhiều vấn đề cần suy nghĩ về chuyện phân biệt giới tính trong xã hội ngày xưa.

NXB Trẻ



Mục lục

Lời giới thiệu

Các nhân vật trong truyện này

I. NÔNG TRẠI CÓ KHÁCH

II. KHÁCH LẠ KỂ CHUYỆN

III. HAI TRẺ MỤC ĐỒNG

IV. GIEO TRỒNG VÀ THU HOẠCH

V. ĐI ATHENS

VI. LỄ HỘI NỮ THẦN ATHENS

VII. TRỞ VỀ NHÀ



Các nhân vật trong truyện này gồm có:

Ông Melas, người Sparta, sinh sống trên đảo Salamis, gần bờ biển Hy Lạp. Ở đây, ông chăm nom nông trại cho Pericles, Quan Chấp chính của thành bang Athens.

Bà Lydia, vợ ông Melas, mẹ của cặp song sinh Dion và Daphne.

Dion và Daphne, con trai và con gái sinh đôi của ông bà Melas và Lydia.

Chloe, nô lệ thuộc quyền sở hữu của ông bà Melas và Lydia. Cô gái này bị bỏ rơi bên đường từ lúc mới sinh, phó mặc cho trời đất và lòng hảo tâm của người qua đường. May sao bà Lydia đi qua nom thấy đưa về nuôi làm gia nô.

Ông Anaxagoras, “người khách lạ mặt”, một nhà hiền triết, đồng thời là bạn của Pericles.

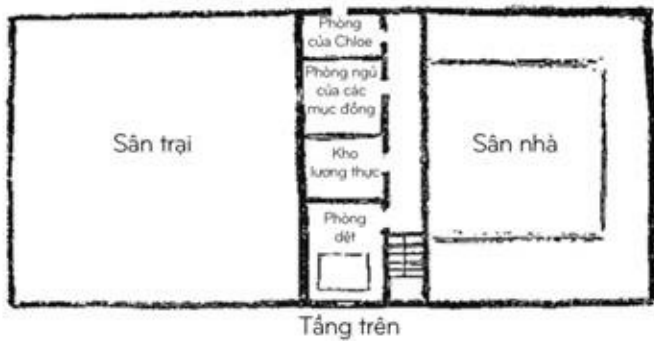
Ngài Pericles, Chấp chính Quan thứ Nhất của thành bang Athens.

Thầy tư tế Lampon.

Một thầy tư tế ở Đền Erechtheum.

Dromas, Lycias, cùng những người nô lệ khác ở nông trại của Pericles.

Bối cảnh lịch sử: Khoảng giữa thế kỉ thứ V trước Công Nguyên.



Bản vẽ nhà ở của chị em song sinh người Sparta

I. NÔNG TRẠI CỔ KHÁCH



Vào một buổi chiều xuân đẹp trời cách đây rất nhiều năm ở Hellas^[1], bà Lydia, vợ ông Melas người Sparta, ngồi đánh sợi trên một chiếc ghế con trong sân nhà, giỏ lông cừu đặt bên cạnh. Bà là một thiếu phụ trẻ tuổi, dáng dấp cao ráo khỏe mạnh với mái tóc vàng óng và cặp mắt xanh lơ. Vừa quay con suốt, kéo những sợi bông trắng ngần qua các kẽ tay, bà vừa lẩm nhẩm một bài hát nghe như thể mấy con ong đang vo ve trong vườn.

Mảnh sân nhỏ nơi bà ngồi rộng mở tới tận trời cao, và ánh nắng chiều cứ thế tuôn đổ qua các bức tường bao, làm nên một khoảng sáng rực rỡ trên nền đất. Những viên đá cuội dùng thay gạch lát nền lấp lánh dưới ánh mặt trời, như thể đang bày trò chơi trốn tìm với cái bóng chuyển động không ngừng của con suốt trên tay bà Lydia. Trên mái che của các đoạn hành lang chạy quanh ba mặt sân, đàn bồ câu gù gù rửa lông cánh, và từ một căn phòng trên tầng hai của ngôi nhà, căn phòng mở ra ngay phía trên lối đi nhỏ chắn ngang mặt thứ tư của khoảng sân, vọng ra tiếng lách cách của khung cửi.

Khi bà Lydia quay, bóng đổ của con suốt dài dần, dài dần trên nền đất cho đến khi ánh mặt trời tắt hẳn phía sau bức tường, để mặc khoảng sân chìm trong bóng xám mờ.

Ngang lối đi nhỏ, có một căn phòng lớn quay mặt về phía sân nhà. Than hồng đang cháy âm ỉ trên cái bếp bằng đá đặt ngay giữa phòng, và xa xa, thông qua cánh cửa ở phía đối diện, ta có thể nhìn thấy đàn gia cầm đang lạch bịch ngoài trại. Thế rồi bỗng nhiên, sự im lặng của buổi chiều muộn bị phá vỡ bởi hàng mớ tạp âm. Nào là tiếng kêu be be của đàn cừu, tiếng lục lạc kêu leng keng, tiếng rống của đàn gita súc, tiếng chó sủa liên hồi, tiếng chân trần êm mềm chạm đất và kể đó là giọng nói của lũ trẻ.

Bất thành linh bọn gà mái nuôi thả ngoài trại hè nhau kêu quang quác, rồi thì có hai đứa bé chạy hộc tốc vào cửa sau, lướt ngang qua lò sưởi đang âm ỉ, đâm bổ vào trong sân, theo sau là một con chó chăn cừu lớn. Lũ trẻ có đôi mắt xanh lơ và mái tóc vàng óng hệt như của bà mẹ, trông lớn tướng đến độ cứ như là đã mười hai tuổi, nhưng thực ra thì chỉ mới có chừng mười tuổi thôi. Cả hai giống nhau như hai giọt nước đến độ ngay cả mẹ chúng cũng không thể phân biệt nổi đứa nào là Dion còn đứa nào là Daphne, còn về phần bố bọn trẻ, ông ấy thậm chí còn chẳng buồn phân biệt. Ông ấy cứ tiện tên nào thì gọi tên ấy, thì đằng nào bọn trẻ chẳng tự phân

biệt được chúng với nhau. Daphne, chắc chắn, áo lúc nào cũng dài hơn áo của Dion một chút, nhưng mỗi khi chạy nhảy chơi đùa, lúc nào cô bé cũng thâu nó lên một tẹo thông qua chiếc đai lưng, cho nên đó cũng không phải là một dấu hiệu phân biệt chắc chắn.

Bà Lydia nhìn hai đứa bé đang chạy bổ vào trong sân, hết đứa này sang đứa kia, miệng mỉm cười không giấu niềm tự hào. Theo sau hai đứa trẻ là con chó Argos, nó vừa sủa vừa nhảy chồm chồm.

“Nãy giờ các con ở đâu thế, lũ quỷ nhỏ này?” bà mẹ nói với cặp song sinh, “Mẹ không nhìn thấy mấy đứa ở đâu kể từ lúc trưa,” và xoay sang mắng con chó, “Nằm xuống, Argos, nằm xuống,” vì nó vừa mới chồm lên định liếm mũi bà.

“Tụi con vừa ra cánh đồng cạnh con suối với bố,” Dion nói to, “Bố sắp dẫn một người lạ mặt về nhà cùng ăn tối đó ạ!”

“Có khách!” Bà Lydia thở hắt, giơ tay kêu trời, “Ai mà lại đến vào giờ này, mà chỗ nào không chọn lại chọn ngay cái xó xỉnh này? Nhà ta lại chẳng có gì ngoài món súp đen[2]! Giá mà mẹ biết trước thì tệ nhất cũng có món gà quay rồi. Thế họ ở đâu rồi con?”

“Dạ, đang trên đường về,” Dion đáp. “Hai người dừng lại xem các mục đồng lừa cừu và gia súc về trại. Chắc là sẽ về đến nơi nhanh thôi ạ!”

Bà Lydia quăng con suốt vào trong giỏ lông cừu kế bên, rồi vội vã đứng bật dậy. “Không phí thời gian được nữa,” bà nói. “Khách sẽ không thích nấn ná ở đây lâu đâu, nếu như ông ấy muốn tới Ambelaca trong tối nay. Còn những hai dặm nữa mới tới ngôi làng, tối quá thì ông ấy sẽ chẳng thể nào kiếm được thuyền để trở về đất liền. Mẹ chắc chắn thế, trừ phi ông ấy có sắp sẵn người ở đó.”



Vừa nói, bà Lydia vừa xốc lại xống áo qua chiếc đai lưng và bắt đầu đi vào trong nhà, lại gần lò sưởi. “Xùy,” bà đuổi mấy con gà mái, chúng theo chân bọn trẻ vào trong nhà, bươi đồng tro bếp mong tìm thấy chút gì đó để ăn, “chân căng chín cháy bây giờ! Ra ngoài, nếu không muốn ta cho vào nồi! Đuổi chúng, Argos! Dion, con ra cho bọn chúng ăn. Cứ ăn no là chúng hết cuồng chân ngay, mà đáng lẽ giờ này bọn chúng phải lên chuồng rồi chứ! Daphne, mặt con bẩn quá, đi rửa ngay, trong lúc mẹ nhóm lửa và xem coi có thứ gì tử tế để mời khách hay không.”

Trong lúc bọn trẻ làm theo lời mẹ, bà Lydia lấy ống thổi hì hục khêu lửa từ đám than “không còn lấy một thanh củi trong nhà.” Bà buông ống thổi chạy trở vào trong sân. Tiếng lách cách của khung cửi vẫn tiếp tục vọng ra từ căn phòng phía trên. Bà Lydia nhìn lên lan can tầng hai và vỗ tay.

“Chloe, Chloe,” bà gọi. Tiếng lách cách dừng lại đột ngột, một cô gái trẻ có mái tóc và đôi mắt

đen nhánh, hai gò má hồng hào bước ra khỏi phòng, nhô đầu ra ngoài ban công.

“Bà gọi cháu ạ?” cô hỏi vọng xuống.

“Phải, ta đang rất cần cháu!” chủ nhân của cô trả lời. “Có khách đến dùng bữa mà trong nhà lại chẳng có gì để đãi ông ấy! Cháu nhanh nhanh mang cho ta ít củi. Lửa sắp tắt rồi đây này!”

Có tiếng bước chân vội vã xuống cầu thang, rồi Chloe chạy nhanh ra ngoài trại. Một lát sau, cô gái quay trở lại với một giỏ củi, đặt xuống bên bếp. Bà Lydia quỳ trên sàn, sắp củi lên trên than hồng. Rồi bà vận hết sức thổi lò bằng ống thổi. Chloe quỳ bên cạnh bà, và cũng thổi phụ, nhưng không dùng ống thổi. Bụi tro bay tứ tán.



“Cảm ơn cháu!” bà Lydia nói vui, “cháu có một làn hơi khỏe như bão lốc mùa đông! Nếu cháu cứ tiếp tục, rất có thể các tia lửa sẽ văng ra ngoài sân, và bắt luôn lên mái nhà đó! Được rồi! Giờ cháu mang lò ra và nhóm lửa than đi nào! Ít ra ta cũng kịp nướng bánh mì^[3], trong kho lương thực còn một ít xúc xích nữa. Tiện thể, cháu xem giúp ta trong vò có còn nước không nhé!”

“Không còn giọt nào đâu ạ, con xem rồi,” Daphne nói. “Con vừa rửa mặt bằng giọt nước cuối cùng.” “Sao lại như thế được nhỉ?” bà Lydia kêu lên. “Nước sạch trước đã! Chloe, cháu chạy ngay ra suối cho ta. Ta sẽ tự nhóm lò. Còn Daphne, con mang vò nước nhỏ ra theo Chloe.”

Khi Chloe và Daphne, với các vò nước trên vai, đi ra đến cửa sau, cánh cửa trước sân nhà bật mở, ông Melas bước vào cùng với một người đàn ông cao lớn, để râu, mình khoác một chiếc áo choàng dài.

Vừa nghe tiếng chốt cửa, bà Lydia đứng thẳng người dậy bên bếp lò, và khi ông chồng ra hiệu, bà từ từ tiến ra chào hỏi người khách lạ.

“Mời Ngài vào nghỉ ngơi nơi tề xá,” bà nói, “Ước gì nơi đây thơm mát hơn để đón tiếp Ngài.”

“Lòng hiếu khách của bà là niềm vinh hạnh cho tôi,” người khách lạ đáp lời một cách lịch thiệp, “điều gì người nông dân thấy là tốt đẹp thì các triết gia cũng thấy thế, nếu như tôi được phép gọi mình bằng danh xưng đó.”

“Ngài là một triết gia, và không nghi ngờ gì nữa, Ngài là người Athens,” bà Lydia trả lời, “cả thế giới này đều biết rằng, cũng như người Athens, người Sparta chúng tôi luôn mời những ai sống thanh bần cùng dùng bữa ăn đạm bạc với mình.”

“Tôi đói ngấu đến nỗi chỉ bánh mì thôi cũng đã là tiệc thịnh soạn,” khách lạ đáp lại.

Ông Melas, người đàn ông cao lớn với gương mặt nâu sạm và bộ râu tiệp màu, giờ mới lên tiếng.

“Không có gì phải vội đâu, vợ à,” ông nói. “Ông khách đây sẽ ở lại dưới mái nhà ta đêm nay. Vẫn chưa muộn đâu. Trông lúc nàng sửa soạn bữa ăn, chúng ta sẽ ngồi nghỉ dưới tán cây ô-liu và ngắm cảnh mặt trời lặn xuống sau đồi.” “Vậy thì, xin vui lòng chờ cho đến khi bữa ăn đã sẵn sàng,” bà Lydia trả lời. Hai người đàn ông bèn trở ra ngoài thông qua cánh cửa mở, và ngồi xuống một băng ghế gỗ, từ nơi đó họ có thể nhìn ngắm thung lũng nhỏ và mấy quả đồi xa xa.

Trong lúc đó, ở trong nhà, bà Lydia vút bỏ điều bộ trang trọng lúc đón khách để một lần nữa vào vai bà nội trợ bận rộn. Khi Chloe và Daphne từ ngoài suối về, bà đã có bánh mì nướng trong lò, còn xúc xích thì đang được hơ trên lửa. Một nồi súp bốc khói nghi ngút bên cạnh.

“Ôi mới thơm làm sao!” Dion xuýt xoa đi từ ngoài trại vào nhà cùng với con Argos. “Con có thể ăn hết cả một con heo ngay bây giờ. Mẹ nhớ nướng nhiều nhiều xúc xích vào! Con đói như một con sói ấy!”

“Vậy mà cũng dám vỗ ngực là con trai thành Sparta sao!” Bà mẹ khiển trách. “Con nên bớt nghĩ về những thứ cho vào bụng đi! Bữa ăn thanh đạm mới làm nên một người đàn ông mạnh mẽ. Theo phép lịch sự, chúng ta mời khách những thức ăn tốt nhất mình có, nhưng không phải vì thế mà con quen thói phàm ăn đâu nhé!”

“Vâng ạ,” Dion tiu nghỉu, “Con ước gì Thần Hermes, người dẫn đường cho các lữ khách, sẽ đưa họ đi theo đường này thường xuyên hơn. Con muốn trở thành một chàng trai mạnh mẽ, nhưng con cũng muốn được ăn ngon nữa, mà mỗi lần có khách thì nhà ta đều đãi tiệc.”

Mẹ cậu ta không đáp vì bà bận bù đầu bù cổ.



Bà bảo Chloe vào trong hầm lấy ra một vò rượu và ít pho-mát sữa dê, còn mình thì tự leo lên cầu thang lấy một ít trái vả khô từ kho lương thực. Daphne theo Chloe vào trong hầm, thế là nhoáng một cái, đã chẳng còn ai ở lại bên đồng lửa ngoại trừ Dion và Argos, mà mùi xúc xích lại bốc lên thơm lừng.

“Không biết mẹ có đếm số lượng không nhỉ,” Dion lẩm nhẩm, đôi mắt hau háu đầy thèm thuồng. Và thế là trước khi kịp nhận ra mình đang làm gì thì cậu ta đã chĩa ngay một cái xúc xích từ trong đồng lửa và cắn một miếng ở phần đuôi. Xúc xích hãy còn nóng quá đến nỗi các ngón tay và lưới của cậu bé đều phồng rộp lên và khi cậu ta cố liếm các ngón tay thì mẩu xúc xích rơi xuống, con Argos dón lấy nuốt gọn. Miếng xúc xích nóng bỏng chạy tuột xuống bao tử khiến con Argos tru lên thê thảm, cúp đuôi chạy biến ra ngoài trại. Vừa lúc đó, Dion nghe có

tiếng bước chân đi xuống cầu thang. Cậu ta hoảng quá, đành hô biến theo con Argos.

Khi bà Lydia tiến lại gần đồng lửa, chỉ có mỗi Daphne ở trong phòng. Bà đặt giỏ trái vả xuống rồi khụy gối để trở xúc xích. Vì đã đếm xúc xích trước đó nên bà thấy ngay là thiếu mất một mẩu. Bà vô cùng ngỡ ngàng và kinh ngạc, nhưng bà nhanh chóng đoán biết điều gì đã xảy ra. Các bà mẹ đều nhanh như vậy. Bà vội đứng lên, nhìn xung quanh để truy tìm thủ phạm. Bà bắt gặp ngay Daphne.

“Thằng bé hư đốn này!” bà nghiêm mặt với Daphne. “Con đã làm gì với mẩu xúc xích đó hả?”

“Con có làm gì đâu, con chưa bao giờ thấy nó cả,” Daphne tội nghiệp bật khóc. “Mà con cũng chẳng phải là một thằng bé hư đốn. Con còn không phải là một đứa con trai nữa! Con là Daphne mà!”

“Vậy thì thằng Dion đâu?” bà Lydia vặn hỏi.

“Con không biết nó ở đâu,” Daphne trả lời. “Con cũng không nhìn thấy nó, nhưng con nghe có tiếng con Argos sủa cứ như là có ai đó giẫm vào đuôi nó. Có lẽ nó ngoạm mẩu xúc xích.”

Bà Lydia đi ra ngoài cửa, đảo mắt nhìn tứ phía. Ở trong cái hốc xa xa gần chỗ quây nhốt cừu, bà nhắc thấy có hai cái bóng đen.

“Lại đây ngay lập tức,” bà quát.

Dion và Argos vâng lời, nhưng cả hai di chuyển rất chậm chạp, đuôi con Argos dựng đứng cả lên. Bà Lydia chỉ tay vào đồng lửa.

“Mẩu xúc xích kia đâu?” bà căn vặn, gần giọng rất đáng sợ.

“Argos đã ăn nó ạ,” Dion ấp úng.

“Há miệng ra,” mẹ cậu ta ra lệnh. Bà nhìn vào lưỡi của Dion. Nó phồng rộp cả lên vì bồng.



“Vậy là con Argos đã lấy mẫu xúc xích ra khỏi lò, rồi nó bắt con ăn ngay khi xúc xích còn đang nóng hổi,” bà Lydia nghiêm giọng. “Được lắm, nó thật là hư đốn, tối nay nó không được ăn xúc xích nữa. Còn con, đứa con trai cư xử không hơn được một con chó, cũng sẽ không được ăn. Không thể tin tưởng để cho bất cứ đứa nào ở gần bếp trong lúc ta đang nấu nướng nữa. Ra ngồi trên đồng củi chờ cho đến khi ta gọi.”

Bà tổng cả Dion và Argos ra khỏi cửa, rồi quay trở lại với công việc nấu nướng của mình.

“Bữa tối sắp xong rồi,” cuối cùng, bà gọi Chloe. “Cháu và Daphne có thể mang ghế ra và dọn bàn được rồi.”

Dưới mái che trong sân nhà có một cái bàn gỗ nhỏ. Chloe và Daphne nhấc nó lên, khiêng lại gần đồng lửa. Rồi cả hai lại khệ nệ khiêng một băng ghế gỗ, cũng nằm dưới mái che, và đặt xuống cạnh cái bàn. Sau đó, cả hai kê mấy chiếc đệm nhồi lông cừu lên trên băng ghế, và kê thêm dưới chân ghế một cái ghế con. Daphne bày đĩa ra, và khi mọi thứ đã sẵn sàng, bà Lydia bảo Chloe đi mời chồng bà và người khách lạ, trong lúc bà đi ra ngoài trại. Ở đó, bà thấy Dion và Argos ngồi cạnh nhau trên đồng củi trong im lặng, chán chường.

“Vào và rửa tay đi,” bà nói với Dion. “Rửa thật sạch, cổ tay và mọi thứ, rồi mới được ăn, nhưng nhớ lấy, không có xúc xích đâu. Con đã tự ý bốc thức ăn trước rồi.” Đó là điều mà các bà mẹ thời đó thường nói với bọn trẻ, vì lúc đó chẳng có dao, nĩa hay thậm chí là muỗng, để mà ăn.



Bà Lydia không gọi Argos, nhưng nó cứ xông bừa vào, nằm phịch xuống bên đồng lửa, ghéch mõm lên bàn chân, nó nằm ngay cái chỗ ai đi qua đi lại cũng có thể vấp phải.

Ông Melas và người khách lạ bước vào, ngồi xuống cạnh nhau. Chloe quỳ xuống trước họ, giúp tháo giày, rồi rửa chân cho họ. Người khách lạ nói lỏng áo choàng, rồi cùng ông Melas ngã người xuống băng ghế, cùi chỏ tay trái tựa lên tấm đệm lông cừu. Chloe xê dịch cái bàn cho vừa tầm tay họ, còn bà Lydia thì ngồi xuống chiếc ghế con cạnh băng ghế. Trời bây giờ khá là tối, chỉ còn ánh sáng phát ra từ lò lửa.

Từ tấm bé, hai chị em song sinh đã được dạy rằng chỉ được hiện diện thôi chứ không được lên tiếng, đặc biệt là khi có khách khứa. Thật tình mà nói, lúc này thì Dion cũng chẳng buồn gây chú ý, hai chị em cứ lặng lẽ lê mình vào chỗ ngồi quen thuộc trên sàn nhà, kề bên bếp lò. Cùng lúc đó, ông Melas và người khách lạ bắt đầu cầm miếng bánh mì lên nhúng vào đĩa súp.

Phải công nhận rằng ông Melas có vẻ thích thú món súp đen nhiều hơn là người khách nọ, nhưng dĩ nhiên là ông này cũng ăn, rồi khi ăn đến giọt súp cuối cùng, hai người họ chum các đầu ngón tay vào phần vụn bánh và quẳng chúng cho con Argos, nó chấp chấp nhiệt tình như thể cái lưỡi chưa hề bị phỏng một chút nào. Sau đó, Chloe lấy xúc xích nóng đang hơ trên lửa xuống, và dỡ mẻ bánh mì nướng ra khỏi lò. Khi mang chúng ra cho hai người đàn ông ăn, cô gái phân bua rằng thật ra, những chiếc bánh này không bằng một góc những chiếc bánh cô vẫn thường làm. Bà Lydia lấy cho hai chị em sinh đôi mỗi đứa một cái bánh, bà lại cho riêng Daphne một mẫu xúc xích. Khi đi ngang qua chỗ Dion, bà chỉ nhìn thôi mà không nói nửa lời.

Cậu bé hiểu ngay điều bà mẹ muốn nói. Cậu ta làm thinh, ủ rũ ngồi nhá chiếc bánh mì, và tôi dám chắc là lúc đó, đối với cậu ta, trên đời này hẳn không có chiếc xúc xích nào lại bốc mùi thơm quyến rũ hơn chiếc xúc xích trên tay Daphne. Tuy nhiên, có rất nhiều bánh mì, và bà mẹ cho phép cậu con ăn bánh mì với mật ong thỏa thích, điều này an ủi Dion nhiều đến nỗi khi người khách lạ xoay qua trò chuyện cùng ông Melas, cậu bé quên băng đi nỗi phiền muộn của mình. Cậu ta quên luôn cả phép ứng xử, cứ thế mắt mở to miệng há hốc ra hóng chuyện, cho đến nỗi mật ong chảy nhều khỏi chiếc bánh mì, rơi xuống đầy các kẽ tay. Thế là cậu ta liếm mút luôn cả các ngón tay!

Không ai nhìn thấy cậu bé làm điều đó, kể cả mẹ cậu, bởi bà đang bận quan sát các thành viên khác. Gia đình họ sống khá xa bờ biển, cũng khá xa trục đường chính trên đảo, cặp đôi song sinh cả đời chỉ mới được nhìn thấy có vài người khách lạ ngoài gia đình và các nô bộc trong nông trại. Khách lạ với hai cô cậu như người đến từ thế giới khác - thế giới bên ngoài rộng lớn, bên kia những gợn nước biển xanh lóng lánh của vịnh.



Bọn trẻ có đôi lần thoáng trông thấy thế giới đó từ phía trên cao đỉnh đồi trong những ngày đất trời tươi sáng, nhưng bọn chúng chưa bao giờ đi xa hơn cái bến thuyền nhỏ ở ngôi làng Ambelaca cách đó hai dặm.

“Sao mà,” người khách lạ nói với ông Melas, “một người Sparta như ông lại lưu lạc đến đây, quá xa quê hương, và lại quá gần Athens như thế này? Thông thường, người Sparta chẳng yêu thích người Athens là mấy, mà cũng chẳng yêu gì công việc đồng áng, tôi nghe nói vậy.”

“Chúng tôi yêu người Athens cũng nhiều như họ yêu mình vậy thôi,” ông Melas trả lời. “Còn vì sao tôi ở đây, phải nói đó là nhờ ông cụ thân sinh ra tôi. Ông là một người lính đã tham gia các cuộc chiến tranh với người Ba Tư, sau trận chiến Salamis[4], ông quyết định ở lại nơi này. Tôi lớn lên trên đảo này, và may mắn được chọn làm người chăm sóc nông trại này.”

“Ai là chủ nông trại này?” Người khách lạ hỏi.

“Ngài Pericles, Chấp chính Quan thứ Nhất[5] của thành bang Athens,” ông Melas đáp lời.

“Ông quả thật may mắn khi được làm việc cho ông ấy,” người khách lạ đáp. “ông ấy là người đàn ông vĩ đại nhất ở Athens, và vì vậy cũng là người đàn ông vĩ đại nhất trên thế giới, bất kì người Athens nào cũng đều nói như vậy!”

“Bác có biết Ngài ấy sao?” Dion hỏi, trong lúc hân hoan, cậu ta quên bém đi rằng trẻ em sinh ra để được nhìn ngắm chứ không phải để được nghe tiếng.

Bà Lydia nhìn Dion lắc đầu, nhưng người khách lạ vẫn lịch sự đáp lời cứ như thể Dion đã là người đàn ông 40 tuổi rồi chứ không phải chỉ là đứa trẻ lên 10.

“Đúng vậy,” ông trả lời. “Ta biết khá rõ về Ngài Pericles. Mới hôm qua, ta còn cùng ông ấy đi thị sát ngôi đền ông ấy mới cho xây dựng trên ngọn đồi Acropolis thần thánh ở Athens. Chắc chắn là ông đã xem qua rồi” ông nói, quay sang ông Melas.

“Chưa đâu,” ông Melas trả lời. Tôi bán nông sản chủ yếu ở các chợ gần Piraeus[6], chỉ đi Athens khi nào cần mang trái cây và rau tươi đến nhà Ngài Pericles thôi. Mùa đông thì không có cơ hội đến đó rồi, mùa trồng trọt thì lại chỉ mới bắt đầu. Có lẽ cuối hè tôi sẽ đi.”

“Khi nào ông đến Athens,” người khách lạ nói, “đừng quên ghé thăm công trình mới xây dựng trên ngọn đồi thần thánh. Đáng lắm, đáng hơn cả chặng đường xa từ đây đến Athens, tôi đảm bảo. Một ngày nào đó, mọi người từ khắp muôn phương thiên hạ sẽ đến chiêm ngưỡng nó, nếu không vậy thì tôi xin trả lại ba tiếng nhà tiên tri.”

“Ôi chao,” Daphne thì thầm với Dion, “em có ước ao mình cũng được đến đó không?”

“Chị thì không được đâu. Chị là con gái!” Dion thì thầm lại. “Con gái không được phép làm những chuyện như vậy, nhưng em thì được, lần tới em sẽ nói bố cho đi cùng.” Daphne chun mũi ăn miếng trả miếng với Dion. “Chị không quan tâm chuyện chị là con gái,” cô bé thì thầm. “Chị không phải là đám đàn bà con gái người Athens chẳng bao giờ dám thò mũi ra khỏi cửa, ở nông trại này chị làm được tất cả mọi công việc mà em làm được, và chị chắc là ở Athens thì chị cũng thế. Ngoài ra, sẽ chẳng ai biết chị là con gái cả, chị cũng giống con trai như em thôi. Chị giống y chang em.”

“Không hề,” Dion phản nộ. “Chị không giống con trai.”



“Được thôi,” Daphne trả lời, “vậy thì hẳn là em giống con gái, vì em biết đó, bố không tài nào phân biệt nổi hai ta, được chưa?”

Dion định mở miệng đáp trả, nhưng đúng lúc đó thì bà mẹ nhìn hai đứa lắc đầu răn đe, đồng thời Chloe, vốn đang khệ nệ ôm vò rượu đi vào, vấp phải con Argos suýt nữa là ngã sấp lên mặt bàn. Con Argos kêu ằng ằng, thế là cả Dion và Daphne đều phá ra cười. Bà Lydia vô cùng xấu hổ vì Chloe thật là tệ, thêm cả xấu hổ vì bọn trẻ bật cười to tiếng. Bà hết lời xin lỗi người khách lạ.

“Ồ, không sao đâu,” người khách lạ đáp, và ông cũng cười lớn thành tiếng, dù ông là một triết gia, “bọn con trai là vậy đó, chà, hai đứa con của bà đây trông thật là khỏe mạnh. Một ngày nào đó, chúng sẽ tham gia thể vận hội Olympic, chắc chắn là vậy, bà sẽ tự hào biết mấy khi bọn trẻ mang về nhà vòng nguyệt quế dành cho người chiến thắng!”

“Phải, bọn nhỏ khỏe mạnh như Hercules thời trẻ vậy, cả hai đứa,” ông Melas đỡ lời, “nhưng một đứa là con gái đấy, nên gia đình tôi chỉ có thể hy vọng có một nhà vô địch trong nhà thôi.”

“Chà, những hai đứa thì ông bà tự hào để đâu cho hết,” người khách lạ nói, mỉm cười, “cho nên việc có một đứa là con gái cũng tốt.”

Dion ngồi rất thẳng lưng khi nghe những lời này, nhưng Daphne thì xui xẻo. “Cháu cũng muốn được là con trai,” cô bé nói, “bọn nó có thể làm nhiều thứ mà con gái không được phép làm. Bọn nó luôn có được những thứ tốt nhất.”

“Hẳn đó là ý của các vị thần,” người khách lạ triu mến. “Mà thật ra phụ nữ thành Sparta vẫn

luôn được xem là dũng cảm không thua gì đàn ông, dù không to lớn bằng.



Có thể, một vài người trong chúng ta phải làm phụ nữ vì thế gian không thể một ngày không có phụ nữ.”

Hai đốm sáng bùng lên trên má bà Lydia, và đột nhiên con suốt trên tay bà quay liên hồi. “Đúng là không có không được thật,” bà nói. “Đàn ông chăm sóc bản thân cũng không khá hơn bọn trẻ là mấy!”

Ông Melas và người khách lạ bật cười, rồi ông khách quay sang Daphne.

“Cháu còn nhớ không, cô bé của ta, chàng Epimetheus đã vui sướng như thế nào khi nàng Pandora xuất hiện, dù nàng ta mang theo cả những rắc rối đến thế gian này?” ông hỏi.

“Thế là sao ạ?” Daphne trả lời, “Cháu không biết gì về chuyện nàng Pandora. Xin bác làm ơn kể cho chúng cháu nghe với!”

Bà Lydia đứng lên và ngược nhìn lên các vì sao. “Gần đến giờ lên giường rồi,” bà nói với hai chị em, rồi bà xoay qua nói thêm với người khách lạ: “Xin Ngài thứ lỗi cho sự cả gan của các con tôi. Bọn trẻ sống quá xa thế giới bên ngoài nên không hiểu hết sự tôn quý của các quý ông như Ngài đây. Xin Ngài đừng để cho bọn trẻ làm phiền mình quá đáng.”

“Tôi rất sẵn lòng kể cho bọn trẻ nghe câu chuyện về nàng Pandora, nếu như bà đồng ý,” khách lạ đáp. “Các câu chuyện thần thoại chính là của thừa kế dành cho những đứa trẻ ở Hellas này. Các câu chuyện sẽ sống mãi với thời gian nếu như vẫn còn đó những em nhỏ thích nghe kể chuyện và những ông già như tôi đây được kể cho chúng nghe.”

“Nếu như ông đã nói như vậy, thì,” bà Lydia nói, “nhưng trước tiên, xin cho phép chúng tôi thu dọn một chút đã, rồi sẽ xin được nghe kể chuyện sau.”

Bà ra hiệu cho Chloe, chị lập tức mang chậu và khăn ra cho người khách lạ và ông Melas. Khi họ rửa tay xong, Chloe dọn chậu đi và quét những vụn thức ăn vào trong bếp lửa, trong lúc bà Lydia rót rượu và nước ra cốc, đặt trước mặt ông chồng và khách. Rồi thì, củi được chất thêm vào lò, bà Lydia ngồi xuống bên bếp lửa với con quay và giỏ lông cừu, Chloe lẩn vào góc khuất sau chiếc ghế của bà chủ, còn hai chị em song sinh thì bò sát lại gần bên chân ghế. Khi mọi thứ đã yên tĩnh trở lại, người khách lạ nâng cốc.

“Vì chúng ta đang ở vùng đồng quê,” ông ta nói, “ta sẽ dâng rượu mời Demeter, nữ thần bảo trợ mùa màng. Cầu cho mùa màng nhà người này bội thu, nhờ ơn nữ thần.” Vừa nói ông vừa vẩy một ít rượu lên nên đất. Mọi người cùng im lặng một lúc để tỏ lòng tôn kính. Rồi khi những ánh

lửa trong bếp lò lập lòe hướng lên trời cao và những vì sao nhấp nháy từ trên cao nhìn xuống dưới trần thế, người khách lạ bắt đầu kể chuyện.

II. KHÁCH LẠ KỂ CHUYỆN



“Ngày xưa, xa xưa lắm, khi trái đất còn trẻ và các vị thần còn qua lại với con người thoải mái hơn bây giờ, ở Hellas có một người trẻ tuổi xinh đẹp tên là Epimetheus. Ta không chắc đây có phải là con người đầu tiên xuất hiện trên mặt đất hay không, nhưng thế nào thì chàng ta cũng là một trong những người đầu tiên, và vì vậy mà chàng hết sức cô độc. Mặt đất lúc đó còn tươi đẹp hơn cả những gì ta kể. Mặt trời chiếu sáng mọi ngày trong năm, hoa tươi nở khắp chốn, còn đất đai thì sản sinh ra đủ các loại lương thực thực phẩm cần thiết, tuy nhiên Epimetheus vẫn cảm thấy không vui. Các vị thần thấy chàng ta cô độc cũng thương xót vô cùng.

“Chúng ta hãy cho chàng bé một người bạn nào,” thần Zeus, cha của các vị thần, nói. “Ngay cả đỉnh Olympus rạng rỡ ánh mặt trời cũng sẽ trở nên chán muốn chết nếu như người ta phải sống có một mình.” Nghe vậy, các vị thần bèn đổ xô đi tìm kiếm người tâm đầu ý hợp với chàng Epimetheus cô đơn tội nghiệp. Chẳng bao lâu sau, các thần tìm thấy một thiếu nữ yêu kiều tên là Pandora. “Đúng người rồi đó,” Aphrodite, nữ thần Tình Yêu, nói. “Xem nàng ta đẹp chưa kìa!” “Phải rồi,” Athena, nữ thần Trí Tuệ, tiếp lời, “nhưng nàng ta cần phải đẹp hơn nữa kia, nếu không Epimetheus sẽ chán ngay thôi ấy mà. Người ta cũng chẳng thể yêu mãi một cái đầu rỗng tuếch, cho dù đó có là một cái đầu đẹp đi chăng nữa. Ta sẽ ban cho nàng ta trí tuệ và

học vấn.”

“Ta sẽ ban cho nàng ta một giọng hát ngọt ngào,” thần Apollo nói. Cứ như vậy, mỗi vị thần đều ban tặng cho Pandora một món quà tuyệt diệu, và khi nàng rời khỏi đỉnh Olympus, nơi cư trú của các vị thần, những món quà này được buộc nơ cất kỹ vào trong một cái hòm xinh xắn trông thấy là muốn mở ra ngay, tất cả cùng theo Pandora về nhà của Epimetheus.

“Các cháu cứ thử hình dung xem Epimetheus đã vui như thế nào khi có được một cô dâu hết sức cao quý như vậy, và thế là, trong suốt thời gian dài, mọi chuyện đều ổn thỏa, hai người rất hạnh phúc. Cho đến một ngày đáng buồn nọ, một chuyện thật kinh khủng đã xảy ra.

“Trước đó, các vị thần đã dặn nàng Pandora là không được mở cái hòm ra, bằng bất cứ giá nào, nếu không sẽ mất hết tất cả những điều tốt đẹp mà họ ban tặng.

“Nhưng mà nàng ta quá ư là tò mò. Nàng muốn được nhìn ngắm bằng chính đôi mắt mình những món quà tuyệt diệu ở trong đó, cho nên vào một ngày nọ, khi Epimetheus đi vắng, nàng khe khẽ nhắc nắp hòm lên! Thế là, bao nhiêu tặng phẩm của các vị thần đều thoát ra ngoài hết! Pandora hoảng hốt đóng nắp hòm lại, nhưng muộn mất rồi, những lời chúc lành đã theo đám mây sáng chói bay đi mất.

“Pandora thật tội! Nàng ta ngồi xuống bên chiếc hòm và tuôn đổ những giọt nước mắt đầu tiên trên thế gian này. Trong lúc khóc suốt mướt và tự nguyện rửa bản thân về việc không vâng lời khiến cho rắc rối xảy ra, nàng ta bỗng dung nghe thấy một giọng nói nhỏ xíu, vọng lên từ dưới đáy hòm.

“‘Đừng khóc, Pandora yêu quý!’ giọng nói bé xíu đó an ủi. ‘Em sẽ chẳng bao giờ quá bất hạnh khi nào còn có ta ở đây, mà ta thì sẽ luôn luôn ở cùng em, ta chính là Hy Vọng.’ Nghe vậy, Pandora bèn lau khô nước mắt. Kể từ đó về sau, cho dù cuộc sống có đầy rẫy những niềm đau, con người vẫn chịu đựng được vì có Hy Vọng. Nếu lỡ một ngày nào đó Hy Vọng không còn, thế gian này ắt hẳn sẽ thành thế gian chết.”

Khi người khách lạ kết thúc câu chuyện, xung quanh im lặng đến cả một phút, thế rồi Daphne bỗng nhìn thẳng vào mặt ông khách.

“Có thật mọi thứ rắc rối trên đời bắt đầu như vậy không ạ?” cô bé hỏi. “Bởi vì nếu không phải, cháu nghĩ thật là không công bằng khi đổ hết mọi tội lỗi lên đầu nàng Pandora tội nghiệp.”

“Kìa, Daphne!” mẹ cô bé thốt lên, giọng điệu kinh sợ. Nhưng người khách lạ chỉ mỉm cười.

“Không có gì phải bức xúc đâu cháu, cả chàng Epimetheus cũng bị gán cho vô số tội,” vừa nói, ông vừa vuốt râu. “Dù sao, ta chắc chắn là chàng ta thà có Pandora và mọi nỗi phiền hà còn hơn là phải sống thiếu nàng ấy, tất cả đàn ông trên đời đều cảm thấy như thế kể từ lúc đó.”

“Ồ, vậy thì,” Daphne bắt đầu, đôi mắt cô bé hấp háy như hai tia lửa màu xanh lơ, “tại sao-?”

“Daphne! Daphne!” bà Lydia nhắc nhở. “Con nói quá nhiều so với yêu cầu cần có ở một bé gái rồi đó!”

Người khách lạ gật đầu với bà Lydia. “Cứ để cháu nói,” ông dễ dãi. Daphne lại nói.

“Chẳng phải nữ thần Athena đã nói là chàng Epimetheus sẽ chán ngấy nàng Pandora nếu như đầu óc nàng rỗng tuếch sao ạ?”

“Phải rồi,” người khách lạ thừa nhận, “chắc chắn mọi chuyện sẽ diễn ra theo hướng như vậy.”

“Vậy có phải mọi người đàn ông đều nghĩ như thế kể từ lúc đó không ạ?” Daphne hỏi.

“Hình như vậy,” người khách lạ trả lời. “Phụ nữ thời nay chắc chắn cũng cần có trí tuệ giống như nàng Pandora.”

“Vậy tại sao người ta không cho chúng cháu học những thứ như bọn con trai ạ?” Daphne hỗn hển, có chút gì đó sợ sệt ẩn đằng sau sự mạnh mẽ. “Dion luôn nói cháu không được phép làm gì đó, hoặc không thể đi đâu đó vì cháu là con gái. Cháu - là - con - gái nhưng cháu muốn biết mọi thứ. Cháu không thể tham gia thể vận hội Olympic, mà cháu cũng không thể đến xem thi đấu chỉ vì cháu là con gái.” Cô bé ngừng nói, có vẻ như đã quá sức chịu đựng.

Ông Melas, bà Lydia và cậu em Dion cả thấy đều quá kinh ngạc, không nói được nên lời. Chỉ có người khách lạ là không có vẻ gì là sốc. Ông nhắc Daphne lên gần với ông.

“Cháu yêu,” ông nói, “trẻ em thường hỏi những câu mà ngay cả các nhà thông thái cũng không biết trả lời thế nào. Bản thân ta cũng không biết tại sao thế giới này lại có định kiến như hiện nay, nhưng có vẻ như là người ta sợ, không muốn để cho phụ nữ biết nhiều quá. Họ cho rằng phụ nữ nên giàu nhan sắc hơn là giàu trí tuệ.”

“Vâng ạ, nhưng mà,” Daphne ầm ức, “cháu không hiểu tại sao cháu lại không được tham gia thi đấu, dù cháu cũng to khỏe đâu có kém gì ai. Cháu có thể chạy nhanh hết như Dion, và có thể làm bất cứ điều gì mà nó làm được.” Ông Melas mỉm cười. “Daphne đúng là mang dòng máu người Sparta,” ông nói. “Ở Sparta, con gái cũng tham gia vào các kì thể vận hội.” Vị triết gia vuốt tóc cô bé Daphne. “Ra tên cháu là Daphne,” ông nói, mỉm cười, “cháu có thể chạy nhanh và cháu có mái tóc vàng óng! Cháu có biết nhờ nữ bán thần Daphne tóc vàng óng, đôi chân chạy nhanh như gió mà thể vận hội Olympic mới có vòng nguyệt quế dành cho người chiến thắng không? Dù đáng tiếc là phụ nữ lại không được đội.”

Daphne lắc đầu. “Cháu không hiểu điều bác nói ạ,” cô bé đáp.

“Ý ta là,” người khách lạ nói. “Chuyện kể rằng thời xa xưa, thần Apollo có yêu một vị nữ bán thần xinh đẹp tên là Daphne. Nhưng Daphne lại chẳng hề yêu Apollo, vì vậy mà mặc cho thần theo đuổi, cô cứ bỏ chạy. Cô chạy nhanh như gió, nhưng thần Apollo vẫn nhỉnh hơn một chút, cho nên khi thấy khó lòng thoát khỏi sự đeo bám của thần ấy, cô bèn gọi cha cô, một vị thần sông, lên trợ giúp, vị thần này liền giúp con gái hóa thân thành một cái cây. Hai cánh tay cô xoắn ra thành cành cây, mái tóc vàng óng ả trở thành những chiếc lá, còn hai chân thì cắm rễ sâu vào trong lòng đất. Thần Apollo đến nơi, không thấy nàng thiếu nữ xinh đẹp đâu nữa, chỉ thấy một cây nguyệt quế xanh tươi. Thần bèn ngắt một vài nhánh lá óng ánh và bện chúng lại thành vòng. “Nếu nàng không ưng làm cô dâu của ta,” thần tuyệt vọng, “ít ra nàng sẽ là cây của ta và những chiếc lá của nàng sẽ thành vương miện ta.” Đó là lí do mà trong mọi thể vận hội do thần Apollo chủ trì, người chiến thắng luôn được trao tặng vòng nguyệt quế. Chính thần Apollo đã tạo ra tục lệ này và khiến nó trở nên một nghi thức không thể thiếu. Mà này, cháu gái bé nhỏ ạ,” ông kết thúc, “dù không thể tự mình sở hữu, nhưng cháu vẫn có thể đội vương miện cho người chiến thắng mà. Như vậy chẳng phải cũng vinh dự rồi sao?”

“Có lẽ vậy ạ,” Daphne thở dài, đầy suy nghĩ, “nhưng dù sao, cháu muốn có nó theo cách kia hơn.” Đoạn cô bé tuột xuống khỏi chỗ người khách lạ trở về bên chân ghế, và ngồi yên đó, dựa đầu lên đầu gối của mẹ cô.

“Con buồn ngủ rồi đó,” bà Lydia nói, vuốt tóc cô bé. “Đã đến giờ trẻ con phải lên giường rồi!”

“Ôi, mẹ ời,” Dion nằn nì, “làm ơn để bác ấy kể thêm một chuyện nữa đi ạ. Chưa muộn đâu mà, thật đó.” Rồi thì cậu bé quay sang vị khách lạ. “Những chuyện bác kể rất hay,” cậu bé nói,

“nhưng tất cả đều là về bọn con gái. Sao bác không kể cho cháu nghe một chuyện về bọn con trai ạ?”

“Được thôi,” người khách lạ đáp, “nếu mẹ cháu đồng ý, ta sẽ kể cho cháu nghe chuyện chàng Perseus được nữ thần Athena vĩ đại bày cho cách cắt phăng đầu rắn thần Gorgon. Cháu biết không, tóc của Gorgon toàn là rắn phun phì phì rất đáng sợ! Đó mới là câu chuyện dành cho cháu! Và nếu cháu không tin chuyện này là có thật thì khi nào đi Athens với bố, cháu sẽ thấy đầu Gorgon, tóc rắn và tất cả những thứ khác nằm trên tấm giáp của nữ thần Athena.”

“Đó có thật là đầu Gorgon không ạ?” Dion nín thở hỏi, “còn nguyên rắn, máu, và tất cả mọi thứ chứ ạ?”

“Không đâu,” người khách lạ phá lên cười, “máu của Gorgon đã khô lâu rồi. Đó là một cái đầu tượng trang trí trên tấm giáp của nữ thần Athena thôi.”

Thế rồi, cặp song sinh và Chloe được nghe một trong những câu chuyện tuyệt vời nhất thế giới, mồm miệng cứ há hốc ra, mắt thì tròn xoe. Bà Lydia cũng mãi nghe quên cả việc đánh sợi, còn ông Melas thì chưa hề đụng vào cốc rượu trong tầm tay của mình. Ngay cả bà Lydia cũng quên bém cả thời gian. Câu chuyện kết thúc khi mặt trăng đã lên cao, chiếu xênh xếch xuống đầu bọn họ qua các bức tường. Bà Lydia cầm con suốt chỉ về hướng mặt trăng.

“Xem kìa, các con,” bà nói, “Nữ thần Artemis đã đến dẫn đường cho các con vào giường ngủ rồi đó. Hãy cảm ơn người bạn đáng kính của các con đi, và nhớ chúc bác ấy ngủ ngon nhé!”

III. HAI TRẺ MỤC ĐỒNG



Buổi sáng hôm sau, Dion choàng tỉnh vì có một cái mũi ướt lạnh cứ giụi vào lưng mình. Đó là mũi của con Argos. Dion biết ngay. Cậu ta đã từng có kinh nghiệm về chuyện này.

“Đi chỗ khác chơi, Argos,” Dion quát. Cậu kéo tấm chăn lông cừu lên tận mang tai, rồi trở mình ngủ tiếp.

Nhưng mà Argos vốn là một con chó chăn cừu thông minh, nó biết nhiệm vụ đầu ngày của mình chưa phải là tập trung cừu, mà là tập trung hai đứa song sinh. Cho nên nó cứ thế nhảy cẩng lên và sủa to. Một hồi, không thấy Dion có động tĩnh gì, nó bèn nhảy tấm chăn lông cừu và kéo tuột xuống sàn.

“Gâu - gâu,” Argos sủa.

Dion ngồi dậy, tức mình. “Chó ngoan,” cậu ta dịu giọng, “đi chỗ khác đi, qua đánh thức Daphne ấy!”

“Gâu - gâu, gâu - gâu,” Argos sủa vang, rồi nhảy sang phòng của Daphne để đánh thức cô bé.

Bọn trẻ thay đồ chỉ một nháy mắt là xong, vì mỗi đứa chỉ mặc một áo, áo lại không có nút. Cũng vì vậy cho nên dù bọn trẻ có buồn ngủ đến riu cả mắt, cho dù các ngón tay có lỏng cồng lọng cọng thì cả hai vẫn xuống sân nhà kịp lúc bọn gà trống ngoài sân đang gâu gâu, còn lũ chim hét trên cây ô-liu thì đang ở đoạn giữa bài ca buổi sáng. Chloe đã ra ngoài để cho đàn gà ăn. Bà Lydia đang lui hụi bên bếp lửa, còn bố bọn trẻ thì đang nói lời từ biệt với người khách lạ ở ngoài cổng, đồng thời chỉ cho ông này đường đi xuống thị trấn ven biển.

“Hôm nay chắc là sẽ có thuyền đi Piraeus,” ông nói, “bọn họ thường khởi hành sớm lắm, nên tốt nhất là ông hãy lên đường ngay đi. Thần Hermes sẽ nâng bước cho ông trên đường đi.”

“Tạm biệt,” người khách lạ nói, “và nếu như có khi nào ông muốn cho người đọc sách cái vinh hạnh được tiếp đón người làm đồng, xin cứ đến Piraeus hỏi thăm nhà của Anaxagoras. Cảm ơn vì tấm lòng hiếu khách của ông,” nói xong những lời này thì ông khách ra đi.

Ông Melas đã cùng khách dùng bữa sáng với bánh mì và rượu từ trước lúc hừng đông, nên ông

bắt tay vào sữa soạn cho một ngày làm việc mới ở ngoài đồng luôn. Các nô bộc của Pericles cũng đã ở cả ngoài trại, người thì thắng ách cho lũ bò, người thì vắt sữa dê, người thì sữa soạn nông cụ. Tất cả tạo nên những âm thanh buổi sớm thú vị, tuy thế, cặp đôi song sinh vẫn cứ nán ná bên bếp lò, vì buổi sớm trời rất lạnh, Dion lại còn ngáp dài. Bà Lydia lừ mắt nhìn cậu con.

“Nào,” bà nói giọng quả quyết, “các con đi rửa mặt đi! Điều đó sẽ làm các con tỉnh ngủ, nếu như các con vẫn còn buồn ngủ. Rồi thì mẹ sẽ kiểm chút gì đó cho các con ăn, và gói cả một ít bánh mì và phó mát để các con mang theo lên đồi nữa.”

“Bọn con sẽ lên đồi ạ?” Dion hỏi.

“Ừm,” ông Melas đáp. “Hôm nay các con phải chăn cừu. Dromas bận giúp bố cày mấy thửa ruộng bắp rồi. Giờ các con đã đủ lớn để trông coi đàn gia súc và đưa chúng về nhà an toàn trước buổi tối. Nhanh nào, đi đi! Lười nhác thì chỉ có đói kém thôi!”

“Tối qua mấy đứa nhỏ thức khuya quá,” bà Lydia nói. “Nếu nhắm không dậy nổi vào buổi sáng thì buổi tối phải chịu khó đi ngủ thật sớm chứ.”



Nghe mẹ nói như vậy, cả hai lập tức tỉnh táo hẳn ra, lẹ làng đi rửa mặt và sẵn sàng cho bữa sáng, cũng chẳng có gì ngoài mấy chiếc bánh mì nguội lạnh còn sót lại từ tối hôm trước và một cốc sữa dê nóng. Vừa ăn, Daphne vừa buộc túi bánh mì và phó mát ăn trưa bà Lydia chuẩn bị sẵn ra phía trước ngực, và cả hai chị em sẵn sàng lên đường.

Khi hai chị em song sinh thò mặt ra ở lối cửa sau, đã thấy ông Melas và Dromas, người chăn cừu, đứng đợi ngoài trại. Dion có một đoạn ống sáo trong tay còn Daphne thì mang theo gậy móc của người chăn cừu. Đàn cừu đã tùm tùm trước cửa chuồng, chờ lệnh ra ngoài.

“Nhớ để mắt trông chừng con cừu cái già lông đen đó,” Dromas nói với cặp sinh đôi khi anh ta mở cửa chuồng. “Con cừu đó là chúa hay lang thang. Tôi chưa từng thấy con cừu nào như vậy cả. Nó luôn luôn tự làm cho mình lạc. Hay nhiều sự nữa. Con Argos cũng biết là nó cần sự chăm sóc đặc biệt, mỗi lần nó tách đàn đi, con Argos đều theo sau, vậy mà nó cứ chúc đầu xuống húc vào Argos như một con dê già cắn cẩu. Thế nào cũng có ngày đám sói già làm thịt nó, chắc như tên tôi là Dromas vậy.”

“Có sói ở trên đồi sao?” Daphne hỏi.

“Cũng có đấy,” Dromas trả lời, “nhưng bọn sói thường không xuất hiện nếu như ta luôn tập trung cả đàn lại, và nhất là khi có một con chó tử tế đi theo. Cô cậu không cần lo sợ.”

“Cháu không sợ gì cả,” Daphne tự hào, và khi chốt chuồng bật mở, bầy cừu chen chúc nhau chui ra, đùn đẩy Dion, Daphne và Argos tuốt về phía sau. Rồi cả hội lục tục lên đồi, trong tiếng sáo của Dion, tiếng cừu kêu be be, tiếng lục lạc kêu leng keng.

Bọn trẻ theo đường mòn đi về hướng tây một chút, rồi rẽ lên sườn phía nam của một rặng đồi đá cao, nơi có khá nhiều cỏ xanh, và có bãi chăn thả cừu. Khi bọn trẻ đưa đàn cừu đến bãi chăn thả trên đồi, vẫn còn khá sớm, mặt trời hãy còn là một vệt dài và thẫm, dù nơi này cách xa nhà đến hai dặm. Bãi chăn thả là một nơi vắng vẻ. Ngay cả đứng trên đỉnh đồi cũng không nhìn thấy nhà cửa làng mạc gì cả. Xa, xa thật là xa về phía đông, bọn trẻ mới có thể nhìn thấy vườn cây ô-liu và cây nguyệt quế xung quanh nhà. Còn ở hướng tây về phía đường chân trời, có thể thoáng nhìn thấy biển. Gần gần hơn một chút, trên một thửa ruộng, bọn trẻ trông thấy hai đốm màu nâu di chuyển lui lui tới tới. Đó chính là hai con bò, và Dromas đang cho chúng cày bừa. Mọi thứ yên tĩnh đến độ bọn trẻ có thể nghe rõ mồn một tiếng gặm cỏ của bầy cừu, tiếng róc rách của một con suối nhỏ đổ ra dòng sông cạn tưới tắm cho thung lũng phía bên dưới.

Sườn đồi khá trơ trụi ngoại trừ một ít bụi cỏ và cây, nhưng là nơi vui chơi lý tưởng với cơ man nào là đá núi. Thấy một cái hõm giữa hai tảng đá lớn, Dion đề nghị chơi trò hang động của bọn cướp, nhưng bởi vì cậu ta cứ kháng kháng đòi làm cướp, không chịu cho Daphne sắm vai đó một nửa thời gian nên cô bé ừ chịu chơi, và thế là trò chơi đành phải hủy.

“Thôi nào! Giờ mình chơi sắm vai thần Apollo và nàng Daphne đi!” Daphne bàn. “Dĩ nhiên chị sẽ là Daphne, vì chị trùng tên và cũng chạy nhanh như gió. Em là Apollo, dù chị biết là em không thể nào đuổi kịp chị! Chị chạy nhanh đến nỗi dù thần Apollo thật có hiện ra cũng không đuổi kịp chị.”

Dion co rúm người lại.

“Chị không biết là các thần luôn ở quanh ta sao, chỉ ta là không nhìn thấy các thần thôi!” cậu bé nhắc. “Nhờ thần Apollo nghe thấy lời chị nói, và nảy ra ý định trừng phạt chị vì tội lộng ngôn, chị sẽ phải hối tiếc đó. Có khi thần ấy sẽ biến chị thành một cái cây giống hệt như nàng Daphne kia đó.”

“Phù,” Daphne nói. “Chị không sợ. Chị không tin các thần lại có dư thời gian đi rình rập mấy chuyện đám con gái nhỏ nói! Nếu mà như vậy thì hẳn các thần phải vô cùng bận rộn.”

Dion khiếp đảm. “Chị ăn nói thật ngu ngốc,” cậu ta bảo. “Chị không bao giờ được nói như vậy nữa về các thần. Chị ơi! Hôm nay hẳn là một ngày bất hạnh rồi đây. Sáng nay khi con Argos đánh thức em, em đang mơ một giấc mơ xấu. Đó là một điềm rất xấu.”

“Đó chỉ là hậu quả của việc tối qua em ăn quá nhiều thôi,” Daphne đáp. Cô bé vẫn mạnh miệng, nhưng thật ra thì cô cũng đã bắt đầu cảm thấy hơi rờn rợn rồi, vì những người sống quanh cô đều tin vào các dấu hiệu và điềm báo như thế.

“Thôi mình ra khỏi chỗ này đi chị,” Dion nói. “Ta hãy đi đâu đó chơi đi. Hãy đi ra suối.”

Hai đứa trẻ chun ra khỏi hang cướp và bắt đầu hướng ra con lạch nhỏ, nằm lẩn khuất trong bụi cây. Bầy cừu đang khoan khoái gặm cỏ dọc theo triền đồi, còn cừu già lông đen cứ chạy lảng quăng giữa bầy. Argos đang ngồi chồm hổm trên đỉnh đồi dưới ánh nắng trông nom bầy cừu, lưỡi nó thè ra thật dài. Mặt trời đã lên khá cao, và ngày bắt đầu ấm dần. Bọn trẻ bì bõm trong nước đắp một con đập, rồi thả các chiến thuyền bằng lá xuống dòng suối, rồi chơi trò thả đá trên một tảng đá phẳng kề bên, cho đến khi đói ngấu mới lôi bánh mì và phó mát ra ăn.



Khi cả hai đã ăn đến mẩu bánh cuối cùng, Daphne cuộn mình nằm xuống mặt đá, đầu gối lên cánh tay.

“Chị buồn ngủ quá,” cô bé nói. “Chị không thể cưỡng lại thêm một phút nào nữa.”

Bạn thấy đó, cả hai đã thức dậy từ rất nhiều giờ trước đó rồi, mà trời lại đang rất ấm, bọn ong vô ve trong nắng cứ như muốn ru ngủ hai đứa!

“Em và con Argos trông bầy cừu nhé,” cô bé năn nỉ, và ngủ ngay lập tức trước khi ai đó kịp nói gì.

Dion ra khỏi bụi rậm và bắt đầu đếm cừu tỉ mẩn như một mục đồng chính hiệu. Đủ cả, không lạc con nào, và con Argos thì vẫn đang chăm chú canh chừng.

“Mình nằm xuống một lát vậy,” Dion tự nhủ, “nhưng mình sẽ không ngủ đâu. Mình sẽ chỉ nhìn lên bầu trời cao thôi.”

Cậu ta bèn nằm duỗi dài bên cạnh Daphne, nhìn ngắm những áng mây trắng tinh khôi diễu ngang qua đầu. Chỉ hai phút sau thôi, đôi mắt cậu bé díp lại và thế là cậu ta ngủ thiếp đi luôn.

Bọn trẻ không rõ mình đã ngủ mất bao lâu. Hai đứa chỉ choàng tỉnh khi nghe một tiếng tru rất dài, rất dài, giống như là vọng đến từ bên kia sườn đồi. cả hai ngồi dậy và nắm nín nhau hẫi hùng. Lại có một tiếng tru đáp trả từ con Argos, và lẫn vào đó là tiếng rất nhiều bàn chân giậm thành thạch, tiếng be be của bầy cừu, và tiếng kêu hoảng sợ của bọn chiên con.

“Bọn cừu đang hoảng sợ. Chắc chúng nó chạy tán loạn rồi!” Dion hét.

Hai đứa trẻ nhào ra khỏi bụi rậm và nhìn quanh quất, cả bầy cừu đã biến mất. Tiếng lục lạc khua ầm ĩ ở phía bên kia sườn đồi, và con Argos thì sữa dữ dội.

“Đi nào,” Dion hét to, nhảy ra khỏi bụi rậm, “ta phải đưa chúng về.”

“Chắc chắn là có sói!” Daphne ré lên, nhào theo sau.

“Dù có gấu thì ta vẫn phải đưa bầy cừu trở về an toàn,” Dion la to, rồi chạy như bay qua lưng đồi, lao về phía con dốc bên kia. Daphne theo sau, chạy nhanh hết sức có thể.

Bầy cừu đã ở xa xa trước mắt, trong một khu vực mà bọn trẻ chưa bao giờ đặt chân đến, nhưng trong lúc hốt hoảng cả hai không kịp nhận ra điều đó. Tất cả những gì hai đứa có trong đầu là phải đưa bầy cừu về bằng mọi giá. Kia rồi, con Argos đang sữa và đi gom lũ cừu hoảng loạn, xa xa, một sinh vật to lớn vừa chạy biến vào rừng.

Bọn trẻ tiếp tục chạy, băng qua các tảng đá và xuyên qua các lùm cây, để đến bên đàn cừu, hỗ trợ con Argos. Dion khóa đuôi, xua đàn cừu quay trở lại, trong khi đó, Daphne và con Argos phụ trách hai cánh trái phải. Khi cả đàn đã được quây lại, bốn bề im ắng hơn, bọn trẻ mới bắt đầu kiểm đếm.

“Thiếu mất một con rồi!” Daphne la hoảng. “Con cừu cái già lông đen! Bố mắng mình mất?”



“Lỗi của chị đấy,” Dion đáp. “Em đã nói rồi, chị sẽ gặp chuyện không may nếu cứ nói về các vị thần bằng cái giọng đó. Cũng chưa chắc là chúng ta đã nhìn thấy một con sói thật nữa. Có khi đó chính là thần Pan! Mà cũng có thể là thần Apollo, và thần muốn cho chị thấy là đến một con cừu chị cũng rượt theo không kịp!”

“Dù sao thì cũng mất con cừu đen rồi! Em ơi, ôi em ơi, mình phải làm sao đây?” Daphne than khóc.

Trời lúc đó đã về chiều, mặt trời bắt đầu lặn.

“Điều đầu tiên cần làm là phải về nhà càng nhanh càng tốt,” Dion nói.

“Về bằng đường nào?” Daphne hỏi.

Dion nhìn quanh quất. “Em không biết,” cậu ta đáp. “Có lẽ Argos biết. Này Argos! Chó ngoan! Đưa chúng về nhà nào! về nhà, Argos! Về nhà!”

Argos phe phẩy đuôi, rồi chạy bọc ra đằng sau bầy cừu.

“Gâu gâu, gâu gâu,” nó sủa và thúc vào gót của một con cừu bị thiến. Chỉ một lúc, nó đã dẫn được bầy cừu tới một hõm núi. Hai chị em thất thểu theo sau, Daphne vò tay trong tuyệt vọng.

“Chết chị rồi!” Cô bé lo lắng. “Chị để quên cây gậy móc trong hang cướp!”

“Em thì để quên ống sáo ở đó,” Dion khổ sở.

“Dù sao bọn mình cũng không thể lấy lại trong tối nay được,” Daphne sụt sịt. “Khó lòng mà tìm ra lại nơi đó! Mà cũng đã quá trễ rồi. Giờ mà đi tìm thì sẽ không về kịp trước lúc trời tối.”

Cả hai mệt mỏi lê bước phía sau con Argos và bầy cừu, trong một sự im lặng thảm thiết. Argos không có vẻ gì là phân vân về đường về nhà. Nó đưa đàn cừu ra khỏi hõm núi, băng qua hai cánh đồng, và cuối cùng đưa tất cả ra lại con đường mòn.

“Đây chính là con đường về nhà mình,” Dion reo lên mừng rỡ. Không đáp, Daphne chỉ tay về

hướng đông. Đi trước bọn trẻ một quãng là Dromas, anh này đang dẫn lũ bò về chuồng sau một ngày cày bừa khó nhọc.

Daphne vỗ tay sung sướng. “Chị biết là Argos sẽ tìm ra đường về mà!” Cô bé hớn hở.

Lúc bọn trẻ về đến nông trại, những sắc màu rực rỡ của buổi hoàng hôn đã phai tàn. Dromas vào trước với lũ bò, còn ông Melas thì đang đợi để kiểm đếm bầy cừu.

“Con cừu đen đâu rồi?” ông trợn mắt với cặp đôi song sinh, khi con cừu cuối cùng chui qua cổng.

“Bọn con không biết,” Daphne thút thít. “Bọn con đã để lạc mất nó. Bọn con để mất cả gậy móc, cả cây sáo nhỏ của Dion. Một con sói đã đến đe dọa đàn cừu, làm chúng chạy tán loạn, và...”

“Chưa chắc... đó là một con sói,” Dion nói đầy ẩn ý.

Rồi bọn trẻ kể lại đầu đuôi câu chuyện cho ông bố nghe, ông Melas không nói gì nhiều. Ông là một người đàn ông rất kiệm lời, nhưng những gì ông nói đủ khiến cho hai đứa trẻ cảm thấy vô cùng xấu hổ. Và khi chuyện Daphne bắt kính với các vị thần đến tai bà Lydia, cả hai còn thấy tồi tệ hơn nữa, ít nhất là về phần Daphne.

Tối đó, trước khi đi ngủ, ông Melas nhóm một đống lửa phía trên bệ thờ đặt giữa sân, dâng cúng một bó lúa mạch, khấn cầu thần Pan và thần Apollo tha thứ cho Daphne vì những lời lẽ phạm thượng của cô bé.



IV. GIEO TRỒNG VÀ THU HOẠCH



Bọn trẻ không được đi chăn cừu nữa. “Không thể tin tưởng giao phó được,” ông Melas nói. “Hai đứa nó chăn cừu mà lại trốn đi ngủ, để cho sói uy hiếp đàn cừu. Chúng không phải là người Sparta thực thụ.”

Dion và Daphne cảm thấy đó như một lời chỉ trích nặng nề. Giờ thì Dromas phải đi chăn cừu thay hai đứa, bỏ lại công việc đồng áng cho một mình ông Melas cáng đáng, ông Melas phải làm tất cả mọi việc cày xới và gieo hạt trên thửa ruộng bắp. Cặp đôi song sinh biết lỗi nên cố gắng phụ giúp ông. Khi ông Melas gieo hạt, bọn nhỏ lăng xăng xách bồ cào chạy theo, xới đất phủ lên hạt giống. Trên cao, lũ quạ quan sát công việc trồng trọt với một vẻ thích thú ra mặt.

“Bố ơi!” Một buổi trưa nọ, Dion gọi giật giọng. “Có 5 con quạ đang rình trên cái cây đằng kia, chúng con cứ đi đến cuối luống cày là bọn chúng liền sà xuống cướp lấy các hạt giống ở đầu luống.”

“Chúng ta sẽ xử lý chuyện này,” ông Melas đáp gọn.

Ông bảo cặp song sinh chạy về nhà lấy gậy, rơm, áo choàng lông cừu và cái nón cũ của mình. Khi hai đứa mang ra, ông Melas cắm hai cây gậy dài xuống đất rồi dùng vải da cột một cây gậy bắc ngang qua. Sau đó, ông phủ rơm lên, búi thành một đụn tròn phía trên cùng. Ông cột mọi thứ một cách cẩn thận bằng dây da. Rồi thì ông khoác lên đó tấm áo choàng lông cừu và đội nón vào cho hình nhân mới ra đời đó. Khi mọi thứ hoàn tất, bạn có một gã bù nhìn đuối quạ kinh dị chưa từng thấy!

“Con chắc nó sẽ làm cho bọn quạ khiếp sợ!” Dion nói, cậu bé nhìn nó đầy ngưỡng mộ. “Nó làm con sợ chết khiếp!”

“Quạ, quạ, quạ!” lũ quạ kêu toáng lên.

Một con quạ bay sượt ngang đầu cậu bé! Dion tung một quả đấm về phía nó. “Đồ trộm già!”

“Còn thiếu một thứ nữa,” Daphne nói. “Bà Lycias đã bày cho con.” Cô bé lấy một mẫu vỏ cây nhỏ, chế thành tấm bùa hộ mệnh. Cô dùi một lỗ nhỏ ở đầu, rồi xỏ dây đeo qua. cả cô bé lẫn Dion đều không biết viết, cho nên sau khi cô giải thích điều mình định làm, ông Melas liền nhặt một hòn đá sắc cạnh lên, tỉ mỉ khắc lên lớp vỏ cây một lời nguyện đáng sợ nhằm vào bầy quạ.

Xong xuôi, Daphne đeo tấm bùa lên cổ gã bù nhìn đuổi quạ. “Thế,” ông Melas nói kháy, “chắc hẳn là gã ta sẽ không ngủ gục trong giờ làm việc. Bù nhìn chính hiệu người Sparta mà! Giờ ta về nhà nghỉ ngơi ăn uống thôi, mai lại trở ra.”

Buổi sáng hôm sau, điều đầu tiên hai chị em song sinh làm là chạy vội ra đồng. Thật bực bội, ngay trên đỉnh đầu của gã bù nhìn chình ềnh ba con quạ đen, và... còn cả đồng quạ nữa đang mổ hạt trên mặt đất.

“Mình làm cho cố, bọn chúng phá hoại hết!” Dion bất bình.

“Quạ, quạ,” bọn quạ ré lên.

“Không lẽ bố viết nhầm, đáng lẽ viết lời nguyện thì lại đi viết lời chúc phúc?” Daphne lo lắng. Bọn trẻ chạy học tốc về nhà, cũng nhanh như khi chạy ra. Ông Melas đang chuẩn bị ra khỏi nhà với một cây gậy móc trong tay.

“Bố ơi,” Dion hét toáng, “bọn quạ đậu đầy trên mình gã bù nhìn. Có lẽ gã đó không phải là bù nhìn chính hiệu Sparta rồi.”

“Hình như là gã ta đã ngủ quên trong lúc làm việc,” Daphne để thêm vào.

Ông Melas trừng mắt nhìn bọn quạ, hết sức giận dữ. Sau một hồi suy tính, ông lệnh cho bọn trẻ: “Vậy thì hai đứa con sẽ phải túc trực ở đây để đuổi lũ đầu trộm đuôi cướp đó, mang đồ vỡ tay ra.” ông ra lệnh. “Các con sẽ phải mất cả ngày ở ngoài đồng canh chừng bọn chúng. Bố phải đi làm vườn nhô đây. Đã đến lúc tĩa cãnh rồi.”

Cặp đôi song sinh vẫn chưa ăn sáng, cả hai đói ngấu. Vì vậy, chúng chạy trở vào trong bếp, lấy một ít bánh lúa mạch và một hũ sữa nhỏ, rồi mau chóng quay lại cánh đồng, cả hai ngồi xuống với những cái vỡ tay làm bằng gỗ bên cạnh, ăn bữa sáng trong sự thèm thuồng của lũ quạ. Suốt ngày dài, bọn trẻ canh giữ hạt giống, đập vỏ như điên, thậm chí chọi cả đất vào lũ cướp cạn hắc ám đó. Công việc rất ư là sôi động, cho nên dù không thích mấy, bọn trẻ vẫn không đến nỗi lặ lại cái chuyện đáng tiếc hôm đi chẵn cừu. Hai đứa cần mẫn suốt cả cả ngày dài.

Khi mặt trời lên cao quá đầu, bà Lydia mang đến cho bọn trẻ ít trái vả và phó mát, kèm theo một vại sữa dê. Bà cũng chuyển cho hai đứa một tin nhắn. “Bố bảo rằng các con sẽ phải canh ở đây cho đến khi nào trời tối hẳn. Đến lúc đó, các con hãy cố gắng lòng sục xung quanh để bắt cho bằng được một con cóc, giữ chặt lấy không cho nó thoát. Bố sẽ đọc một câu thần chú khiến lũ quạ phải tránh xa cánh đồng này, nhưng lời chú sẽ chỉ linh nghiệm khi nào trời tối. Cho nên các con hãy ở lại đây cho tới khi nào bố đến.”



Hai chị em sinh đôi đã trải một buổi chiều thật vất vả, vừa phải xua quạ vừa phải bắt cóc. Đến khi bắt được con cóc rồi, lại phải chắt vật giữ lấy nó. Con cóc đúng là một vận động viên nhảy xa siêu đẳng, hai lần suýt thoát khỏi tay bọn trẻ. Trời chạng vạng, đàn quạ bay về tổ, bọn trẻ ở lại trên cánh đồng cho đến khi trời tối hẳn. Mấy con cú bắt đầu kêu đêm, còn lũ dơi thì lả lướt bay qua bay lại, đợi mãi đợi mãi, cuối cùng bọn trẻ mới thấy ba cái bóng mờ mờ băng qua cánh đồng.

Ba cái bóng đen đó là ông Melas, bà Lydia, và Chloe. Bà Lydia cầm theo một cái bình, đặt xuống cạnh tên bù nhìn đang đứng giữa cánh đồng. Ông Melas giữ chặt con cóc trong tay, yêu cầu mọi người xếp thành hàng nghiêm chỉnh, rồi ông dẫn đầu cả đoàn năm người chầm chậm rảo một vòng quanh cánh đồng. Khi quay trở lại chỗ tên bù nhìn, ông Melas bỏ con cóc vào trong bình rồi đây kín lại. Đoàn ông chôn luôn chiếc bình ở giữa cánh đồng, bên cạnh tên bù nhìn.

“Xong!” bà Lydia nói, khỉ mọi sự đã hoàn tất. “Câu thần chú này xưa nay vốn rất linh nghiệm. Nếu cả nó cũng không bảo vệ được ruộng bắp, thật tôi không biết còn cái gì có thể bảo vệ được nữa.”

Là do gã bù nhìn, do lời nguyện, hay do câu thần chú, tôi không dám chắc, nhưng có một điều là vụ bắp mùa hè năm đó vô cùng tươi tốt. Khi mùa thu hoạch đến, ông Melas vui mừng đến độ đã quyết định tổ chức một lễ mừng hoành tráng. Một ngày cuối hè nọ, mọi người trong nông trại đều thức dậy từ lúc tỉnh mơ và hối hả ra đồng. Hôm đó là ngày thứ mười hai trong tháng, một ngày được xem là may mắn cho thu hoạch. Ai nấy đều phấn chấn, cả quản nô lẫn nô lệ đều cầm lưỡi liềm bủa vào cánh đồng chín rộ. Ông Melas và hai người đàn ông khác dẫn đường, gặt thoăn thoắt, thân bắp rạp xuống dưới đất, những người đi sau cứ thế nhặt lên và bó lại thành từng bó.

Trong lúc đó, bà Lydia, Chloe, và những người phụ nữ khác chuẩn bị một bữa tiệc ngoài trời. Họ giết một chú bê con, xẻ thịt ra để nấu nướng, đến trưa thì một đồng lửa to được nhóm lên. Bà Lydia phụ trách việc nấu nướng. Bà đặt những miếng thịt to trước ngọn lửa, dẫn dò bọn trẻ ngồi canh và trở thịt luôn tay cho chín đều. Dion và Daphne cũng lo việc châm thêm củi vào lửa, trong lúc các nữ nô lệ khác người thì nhào bột và nướng bánh bằng lửa than, người ra suối múc nước, người mang nước uống ra cho các thợ gặt đang làm việc ngoài đồng.



Lúc những thân bắp cuối cùng được bó lại cũng là lúc mặt trời lặn, ông Melas ra hiệu cho tất cả dừng lại. Ngay lập tức, Chloe mang nước mát từ suối đến chỗ những người thợ gặt đang mệt lả, những người này dùng nước làm dịu đi bàn tay và khuôn mặt rất bỏng. Sau đó, ông Melas lấy đá xếp thành một bàn thờ, nhóm lửa phía trên, gọi mọi người lại gần chứng kiến ông rải một nhúm hạt bắp mới thu hoạch lên đó và dâng lời tạ ơn nữ thần Demeter, nữ thần bảo trợ các cánh đồng, phù hộ cho mùa màng bội thu. Khi mọi thứ đã xong xuôi, bữa tiệc bắt đầu. Phụ nữ mang thịt bê nướng, bánh và rượu ra cho đàn ông, và khi những người này đã no nê, họ mới ngồi xuống gốc cây và dùng bữa. Thật là một bữa tiệc vui vẻ. Sau khi ăn uống, mọi người bắt đầu kể chuyện và ca hát, Dromas thối sáo cho đến khi màn đêm buông xuống và nữ thần mặt trăng để lộ gương mặt tròn vành vạnh nơi lưng chừng đồi.

Đến lúc này thì ông Lycias, người nô lệ lớn tuổi nhất trong nông trại, bắt đầu ngồi kể chuyện đời xưa. Ông kể đã từng chứng kiến trận chiến Salamis, ông kể tường tận mình đã trông thấy các chiến thuyền Ba Tư bị đánh đắm như thế nào, từng chiếc từng chiếc một, sau cùng người Hy Lạp đã giành chiến thắng. “Vua người Ba Tư ngồi trên những mỏm đá cao ở phía bắc Piraeus, nhìn chúng từ từ chìm lỉm,” ông lim dim. “Thật là một cảnh tượng ngoạn mục.”

Khi ông cụ Lycias kết thúc câu chuyện, Dromas liền kể chuyện thần Pan hay hiện ra với một mục đồng thần quen biết khi người này đi chăn cừu trên đồi. “Chuyện có thật đó,” anh ta tuyên bố khi kể xong chuyện. “Tôi biết người đàn ông đó. Những chuyện như thế thường xảy ra khi người ta chỉ có một mình trên sườn đồi.”

Đồng lửa, trong lúc đó, đã tàn lụi chỉ còn lại mấy mẩu than óng ánh, ông Melas kêu hai anh em song sinh đi lấy ít củi châm thêm vào để giữ lửa. Bọn trẻ vừa đi một lúc đã trở lại chỗ đám đông đang vây quanh bên đồng lửa, hỗn hà hỗn hển, mắt lồi ra như hai cái đĩa vì kinh ngạc.

“Có chuyện gì thế?” bà Lydia kêu to, đứng bật dậy.

“Chúng con không biết,” Dion hỗn hển. “Có con gì đó to to, đen đen, và có đến hai con lặn. Ngay bên đồng củi.”

“Chúng con định nhặt đầy một ôm củi,” Daphne bổ sung, “thì đột nhiên nó... xuất hiện ngay bên cạnh chúng con! Chúng con không dám dừng để nhìn lại cho rõ nữa. Chúng con cứ thế chạy luôn!”

Bà Lydia kêu lại ngọn lửa và chăm chú nhìn ra xung quanh lúc này toàn bóng tối.

“Sói đó, tôi sẽ đi đánh bẫy,” ông Lycias kêu lớn, và ông lập tức leo lên một cái cây.



“Sói!” Chloe hoảng sợ, nấp vào sau lưng bà chủ. Hai chị em song sinh cũng đã níu lấy váy bà không biết từ khi nào.

“Sói!” Mấy người nô lệ rú lên, “Cả một đàn!”, và vì không có cây nào để leo nữa, mỗi người vội vã nép vào một ai đó. Trong lúc loay hoay, Dromas bị ngã ngược về phía sau, ngồi cả lên một hòn than nóng. Anh này không mặc nhiều lớp áo nên bật nảy người lên, dĩ nhiên tiếng rú tiếp theo của anh ta hoàn toàn không phải là vì đàn sói. Chỉ mình bà Lydia và ông Melas là đứng nguyên tại chỗ bên đồng lửa. Ông Melas khua một cành củi đang cháy trong không khí và hét muốn bể phổi, “Điên à! Thở đó! Các người không biết rằng bọn sói không bao giờ dám bén mảng đến gần lửa sao?”, nhưng như thế cũng không đủ để trấn an những người nô lệ đang trong cơn hoảng loạn. Bỗng có con gì đó tiến lại gần, cứ cho không phải là sói đi, thì hẳn là một sinh vật gì đó đáng sợ hơn nhiều, những người nô lệ nghĩ. Bọn họ thấy rõ ràng hai cái bóng đen đang đi lững thững dưới ánh trăng, sau đuôi là một con chó lớn, sủa to hết sức. Sòng sọc đi vào hàng ngũ nô lệ chết nhát, con vật lớn đột nhiên kêu “be,” còn con nhỏ thì kêu “me,” tiếng kêu hết sức quen thuộc với Dromas. “Cả bầy sói” té ra chỉ là con cừ cái già lông đen và con chiên con của nó, cũng đen nốt.

Con Argos theo sau chúng, khi thấy hai mẹ con con cừ đã an toàn trong tầm kiểm soát của Dromas, nó ngồi phịch xuống thở hổn hển, lưỡi thè lè dài ra, trông hết sức là hài lòng với bản thân. Dromas kéo con chiên con vào lòng.

“Chà, một con cừ đực khỏe mạnh đây,” anh ta hoan hỉ, “phải có phép lạ bọn sói dữ mới không ăn thịt nó, và cả mẹ của nó nữa, mãi cho đến tận bây giờ!”

“Ta luôn nói rằng con cừ già đó bị ám mà,” ông già Lycias run rẩy. “Phép thuật đó, ta dám chắc. Cả con chiên con cũng đen y như thần Erebus. Nó sẽ chẳng mang lại điều gì tốt lành đâu!”

“Nào, nào! Chúng ta phải đưa chúng vào chuồng ngay lập tức,” ông Melas nói, “trước khi con cừ già đó lại nhét vào đầu nó cái ý tưởng đi rong. Dromas, ngươi và con Argos lo cho nó, còn ta sẽ tự mình bế con chiên này.”

“Tất cả chúng ta cũng sẽ về,” bà Lydia nói. “Dù sao cũng đến giờ đi ngủ rồi!” Thế là, bọn họ thu dọn những gì còn sót lại của bữa tiệc, dập tắt lửa, rồi cả bầu đoàn lui cui mò đường từ ngọn đồi trở về trang trại, ông Melas dẫn đầu, bế con chiên trong tay. Sau khi đã đưa con cừ già vào khu vực nhốt cừ, những người nô lệ trở về túp lều của họ, còn ông Melas thì từ ngoài trại trở vào với con chiên con. Ông có vẻ phần khích tột bậc.

“Nhóm lửa trên lò đi nào, vợ của ta,” ông nói với bà Lydia. “Có cái gì đó rất lạ ở con chiên này.”

Bà Lydia khêu than, đặt lên lò ít củi, rồi thổi lửa. Trong nguồn ánh sáng đó, ông Melas kiểm tra con chiên hết sức cẩn thận. Đoạn ông nói với bà Lydia, đang ngồi bên hai chị em song sinh, “Con cừu đực này chỉ có mỗi một sừng thôi!”

“Không thể như thế được!” bà Lydia há hốc. “Trước giờ làm gì có ai thấy cừu đực một sừng?”

“Sờ thử đi,” ông Melas ngăn gọn. Bà Lydia sờ soạng.

“Nhân danh các thần,” bà kêu lớn tiếng, “đây quả là một điều kì lạ!”

“Cho chúng con sờ với,” Dion và Daphne khẩn khoản, cả hai cùng sờ. Chỉ có một mẩu sừng bé tí lú ra trên đầu con chiên, nằm ngay chính giữa trán nó.

“Có nghĩa là gì nhỉ?” Bà Lydia tự hỏi. “Có phải là một phép lạ không? Hay là một điềm báo? Chuyện này là may hay rủi đây?”

“Tôi không biết,” ông Melas nói. “Chỉ có thầy tư tế mới giải thích được.”

“Vậy thì ta hãy đưa nó đến chỗ thầy tư tế,” bà Lydia nói.

“Đây không phải là cừu của tôi,” ông Melas đáp. “Nó thuộc về Ngài Pericles.”

“Nếu vậy thì ông phải mang nó đến chỗ Ngài ấy để cho Ngài ấy quyết định số phận nó,” bà Lydia kêu lên. “Và đi nhanh giùm, tôi xin ông đấy. Tôi không muốn có sinh vật này trong nhà. Có khi nó đã bị ếm bùa. Nó có thể mang mọi điều xui xẻo đến cho chúng ta.”

“Nhưng cũng có thể là mang đến vận may,” ông Melas đáp.

“Có thật là bố sẽ mang con chiên đó đến Athens?” Dion hỏi.

“Ừ,” ông Melas trả lời, với một sự mau mắn đáng ngạc nhiên, “ngày-mai.”

“Ôi,” cả Dion và Daphne lập tức kêu lên, “làm ơn - cho con đi với.”

“Không được,” bà Lydia ngăn chặn ngay lập tức, nhưng ông Melas nói, “Đừng nóng vội, vợ ta. Hãy lắng nghe tiếng nói của các vị thần. Bọn trẻ sẽ học hỏi được rất nhiều điều từ chuyến đi, đây là cơ hội học tập của chúng. Bố con tôi chỉ đi khoảng chừng hai ngày thôi, nếu trời yên bể lặng.”

Bà Lydia im lặng một lúc lâu khiến cho cặp đôi song sinh muốn nín thở. Cuối cùng bà bảo: “Thôi được, nếu đó là ý muốn của các thần, các thần sẽ tỏ dấu hiệu cho ta. Và bố con ông có thể ngủ lại nhà của anh trai tôi, Phaon, người thợ dẻo đá. Lâu rồi tôi không gặp anh ấy, kể từ lúc anh ấy kết hôn với cô vợ người Athens đó, nhưng chắc chắn là anh ấy sẽ đón tiếp bố con ông niềm nở.”

Vừa nói bà vừa chậm chậm đứng lên, rải một nhúm hạt lên bàn thờ, đồng thời khẩn nguyện với thần Hermes, vị thần của các lễ khách, để được thần chỉ dẫn. Khẩn xong, bà chạy vòng quanh sân, hai tay che kín hai tai. Lúc chạy trở lại chỗ cả nhà đang tề tựu bên lò sưởi, bà đột nhiên bỏ tay ra. Lúc đó, hai chị em song sinh đang to nhỏ với nhau.

“Này, em có nghĩ là bố mẹ cho-chị-đi không?” Daphne hỏi Dion, đúng ngay vào lúc bà Lydia bỏ

tay ra khỏi tai. “Đi” là từ đầu tiên mà bà nghe được.

“Dấu chỉ tỏ sự ưng thuận,” bà Lydia kêu lên. “Các con sẽ đi! Mẹ đã cầu nguyện với thần Hermes, rồi bịt tai lại, chắc chắn từ đầu tiên mẹ nghe khi bỏ tay ra chính là câu trả lời cho lời khẩn nguyện của mẹ. Và từ đó chính là “Đi”. Mau mau lên giường nào, các con, vì ngày mai các con sẽ phải khởi hành từ sớm.”

Daphne hầu như không thể tin được vào tai mình. Chẳng ai dǎ động gì đến quan niệm con gái phải ở nhà! Cô bé nhanh chóng chạy biến lên tầng trên trước khi có ai đó kịp nghĩ đến điều này.

V. ĐI ATHENS



Tờ mờ sáng hôm sau, bà Lydia đứng trước cửa nhà, trông theo ba hình hài khuất dạng trên con đường dần ra thị trấn Ambelaca. Ông Melas đi đầu, ôm theo con chiên được bọc trong áo choàng của ông, hai chị em sinh đôi đi sau, mỗi đứa một tay khệ nệ vác theo cái giỏ mà bà Lydia đã cẩn thận bỏ vào đó một cặp gia cầm, ít trứng tươi, một khoanh phở mát làm quà cho nhà Pericles, ngoài bánh mì và phở mát cho ông Melas và bọn trẻ. Hai chị em phần khởi đến độ muốn nhảy múa trên đường thay vì bước đi nếu như không bị cái giỏ trĩu lại, nhưng cứ mỗi lần Daphne quá phấn khích, Dion lại nhắc, “Coi chừng giỏ trứng đó,” còn mỗi lần Dion quên và húng chí, Daphne lại nói câu đó với em mình.

Bọn họ đi gần được một dặm thì đến con đường dẫn lên lưng đồi, từ trên cao quả đồi này nhìn xuống có thể thấy cả thế giới. Ngay bên dưới chân họ là bến thuyền của thị trấn Ambelaca, và xa xa phía trước là mặt nước xanh lơ của vịnh lấp lánh dưới làn gió buổi sớm. Ở bên kia vịnh, bọn họ có thể nhìn thấy những dinh thự màu trắng của bến cảng Piraeus, và xa hơn nữa là dãy núi màu xanh lơ nơi mặt trời vừa ló dạng. Khung cảnh đó thật là xinh đẹp đến độ bọn trẻ đều đặt giỏ xuống, cả ông Melas cũng đứng lặng người mà nhìn ngắm.

“Những dãy núi màu xanh lơ phía xa xa Piraeus chính là những ngọn đồi ở thành bang Athens,” ông Melas nói. “Ngọn đồi có đỉnh bằng phẳng kia chính là ngọn đồi thần thánh Acropolis. Còn ngay dưới chỗ mình đứng đây,” ông nói thêm, chỉ tay vào ngôi nhà màu trắng gần đỉnh đồi, trông ra biển, “là ngôi nhà của nhà thơ Euripides, ông ấy đã từ bỏ thành phố ồn ã và náo nhiệt để tìm một nơi trú ngụ vắng vẻ trên đảo Salamis này.”

“Thơ của ông ấy là thơ thứ thiệt hả bố?” Daphne hỏi.

“Nghe người ta nói vậy,” ông Melas trả lời, “dù bố chưa bao giờ đọc bất cứ bài nào.”

“Con ước gì mình biết viết.” Daphne thở dài. “Cái gì cũng được, không cứ phải là thơ! Cho dù chỉ là những lời nguyện để đeo quanh cổ gã bù nhìn rơm cũng được. Con thích viết!”

“Con gái không cần phải biết viết,” ông Melas nói. “chữ nghĩa không đem lại ích lợi gì cho các bà nội trợ đâu. Ta còn chưa biết phải cho Dion đi học ở đâu nữa. Đảo Salamis này không có trường.”

“Ồi chao!” Daphne nghĩ, “lại thế nữa rồi.” Nhưng cô bé không nói tiếng nào, cứ lặng lẽ theo sau ông Melas xuống đồi rồi vào đường làng.

Bọn họ nhanh chóng đến bến cảng nơi thuyền bè neo đậu. Lúc cặp đôi song sinh và ông bố đến nơi thì đã có hành khách trên thuyền.



Có hai người nông dân lĩnh kính xách theo các giỏ trứng và rau, rồi lại có một bà lão mang một thúng bánh mì. Kể bà là một người đánh cá xách theo một giỏ lươn. Tất cả bọn họ đều đi đến khu chợ ở Piraeus để buôn bán nông sản. Ông Melas bế con chiên trên tay, trèo vào ngồi bên cạnh hai người nông dân, đối diện với người đánh cá. Dion ngồi sát bên, để cái giỏ lên đầu gối, Daphne thì phải ngồi kế bên người đánh cá và giỏ lươn. Bọn lươn luôn lách rên rẹt trong giỏ trông phát khiếp, Daphne cứ rung mình mỗi khi nhòm vào giỏ. Cô bé sợ nhớ có con nào đó sống ra ngoài quần lấy chân mình. Bọn chúng trông gớm ghiếc hết như loài rắn, mà cảm nhận của Daphne về rắn thì cũng y chang như những đứa con gái khác. Tuy nhiên, cô bé biết nói ra không ích gì. Không còn chỗ nào khác để ngồi, vì vậy cô bé cố nhớ mình là một người Sparta, mặc kệ bọn chúng.

Khi tất cả hành khách đã yên vị, các tay chèo thuyền liền vào chỗ trên băng chèo, viên thuyền trưởng phát tín hiệu, và thế là con thuyền gối đầu lên những lọn sóng xanh hướng về phía đất liền xa xa. Thoạt đầu, mọi chuyện đều ổn. Không có tiếng động gì ngoài tiếng khua mái chèo, tiếng hô của những người chèo thuyền khi họ nhịp chèo, và tiếng nước vỗ vào mạn thuyền. Con chiên vẫn nằm yên ắng trên cánh tay của ông Melas, thế nhưng bỗng có một cái gì đó làm cho nó khó chịu. Nó ngóc đầu lên, buột miệng kêu một tiếng be, rồi không hiểu thế nào chuồi ra khỏi vòng tay ông Melas rơi tọt vào cái giỏ đựng lươn! Thật là một trận chiến ngoạn mục! Bọn lươn trườn, con chiên trườn, may mà chân nó đã bị buộc vào nhau chứ không thế nào nó cũng phóng tọt xuống nước, và người viết đành chịu, không biết viết tiếp ra sao.

Người đánh cá gầm lên tức giận. “Lôi cái con chiên khốn nạn của ông ra khỏi giỏ lươn của ta ngay,” ông ta hét toáng.

Ông Melas không đợi đến lúc bị quát, ông đã kéo con chiên ra rồi, nhưng nó cứ cựa quậy định thoát, chiên và lươn lươn thật sự làm náo động cả con thuyền.

“Ngồi yên coi,” viên thuyền trưởng gầm lên. “Mấy người mất trí hả? Muốn xuống bể mò cua cá đám hả?”

“Lạy thần Poseidon, xin cứu giúp chúng tôi!” bà lão bán bánh mì kêu lên. “Tôi không muốn làm mỗi câu cá.”

“Tôi cũng vậy,” một người nông dân giận dữ. “Tốt nhất là ông nên thịt bọn chiên cừu của ông trước khi mang ra chợ,” ông ta nói với Melas, “như vậy thì an toàn hơn cho bọn tôi.”

“Con chiên này không phải dành để bán,” ông Melas trả lời. “Tôi không dám giết nó. Nó chứa đựng một điềm báo gì đó!”

“Điềm báo?” bà lão há hốc.

“Xin các vị thân thương cứu giúp! Tôi cũng chẳng biết là điềm gì?” ông Melas chỉ tay vào cái sùng. “Nó chỉ có một sùng,” ông nói.

Tất cả bỗng im bật. Bọn họ tập trung nhìn về phía con chiên. Mọi người lần lượt sờ soạng cái sùng của nó. Mắt họ đều tròn to.

“Chưa từng nghe nói đến một chuyện như vậy,” một trong hai người nông dân lên tiếng.

“Con vật này của ai?” người kia hỏi. “Có phải của ông không?”

“Không,” ông Melas đáp, “nó thuộc quyền sở hữu của Đại quan Pericles. Nó sinh ra trong nông trại của Ngài ấy. Tôi mang nó đến Athens để Ngài ấy quyết định xem nên làm gì với nó.”

“Có điềm báo ở nông trại của Ngài Pericles ư?” bà lão kêu lớn tiếng. “Tôi đoán chắc nó sẽ được giải theo hướng tốt lành cho Ngài ấy, bởi vì ai cũng ủng hộ Ngài ấy cả. Lạy các thần tha tội cho tôi, nhưng quả thật tôi không hiểu vì sao các thần cứ hay úp úp mở mở.”

“Suýt, cái bà này,” một người nông dân nhắc. “Chớ có nói xấu các thần, đợi khi nào chúng ta đặt chân lên đất liền đã.”

Bà lão khép miệng lại. Hai người nông dân và ông lão đánh cá cố ngồi càng xa nhà Melas và hai đứa trẻ càng tốt, và chẳng ai nói thêm gì nữa cho đến khi thuyền cập bến an toàn. Hành khách lục tục leo lên bến. Hai người nông dân, người đánh cá và bà lão đều vội vã lên đường ra chợ, và hẳn là khi đến nơi, lưỡi của họ phải hoạt động hết công suất bởi vì khi ông Melas và bọn trẻ đi ngang qua chợ, có nguyên một đám đông tò mò đeo bám theo sau chỉ để xem con chiên và háng hót xem có ai giải thích được một cái chuyện lạ đời như vậy không.

Ông Melas chẳng thèm để ý đến bọn họ, cứ rảo chân mà đi, chẳng mấy chốc bố con họ đã đến phía đông thị trấn, đặt chân lên con đường lát đá chạy xuyên suốt từ bến cảng Piraeus đến trung tâm Athens. Con đường này dài gần năm dặm, có hai bức tường xây bằng đá bao bọc ở xa xa. Đến đây, đám đông tò mò mới chịu buông tha bọn họ. Ba bố con tà tà đi xuyên qua các vườn cây ô liu và vườn nho hướng về Athens.

“Đường thế này thì không ai sợ lạc cả,” Dion nói với ông bố, “dù có muốn cũng không lạc được.

Không ai có thể trèo qua các bức tường.”

“Hai bức tường đó để làm gì hở bố?” Daphne hỏi. “Con thấy thật ngớ ngẩn khi đi xây những bức tường cao như vậy ngay bên trong thành phố.”

“Nghĩ kĩ thì con sẽ thấy chẳng hề ngớ ngẩn đâu,” ông Melas trả lời. “Ngài Pericles đã xây những bức tường này, để nếu như có kẻ thù đến xâm lăng, dân thành Athens luôn có một lối đi an toàn dẫn thẳng ra biển. Không có nó thì cả thành bang sẽ chết đói bên trong các bức tường thành.”

“Ngài Pericles hẳn là hùng mạnh và thông thái không thua gì các vị thần, con nghĩ vậy,” Daphne nói.

“Ngày ấy được như vậy là nhờ vào sự trợ giúp của các thần, chuyện đó thì không có gì phải nghi ngờ,” ông Melas đáp.

Khi bố con họ đi được nửa đường, Dion bỗng thả rớt quai giỏ, nghe thịch một cái.

“Coi chừng mấy quả trứng đó!” Daphne gắt, nhưng có vẻ như Dion không hề nghe thấy.

“Nhìn kìa! nhìn kìa!” cậu bé kêu to và chỉ tay về hướng đông. Ở đó, trên nền trời, trên đỉnh núi Acropolis thần thánh, có một hình nhân khổng lồ tỏa hào quang dưới ánh mặt trời.

“Cái gì vậy?” cả hai đứa trẻ cùng kêu lên một lượt.



“Đó là tượng đồng của nữ thần Athena, vị thần bảo trợ thành bang Athens,” ông Melas nói.

“Cũng do Ngài Pericles làm ra ạ?” Daphne hỏi.

Ông Melas bật cười. “Không phải đâu,” ông đáp. “Con đừng nghĩ mọi thứ ở Athens này đều do Ngài Pericles làm ra. Dù ông ấy thật vĩ đại, nhưng ông ấy không phải là một điều khắc gia.”

“Ồ, ồ,” Dion kêu lên, “Em muốn xem đầu tượng Gorgon với những lọn tóc rắn. Chị có nhớ người khách lạ đã kể nó nằm trên tám giáp của pho tượng không?”

“Ừc,” Daphne rùng mình. “Chị không nghĩ là chị thích nó đâu. Chắc là cũng gớm ghiếc giống bọn lươn.”

“Đi tiếp, đi tiếp” ông Melas thúc. “Cứ giữ tốc độ này thì các con chẳng kịp thấy gì đâu. Hết cả ngày giờ!”

Hai chị em lại nhặt giỏ lên, rồi cả ba rờng rần vào thành phố, chẳng bao lâu họ đã đến cổng thành. Vào thành rồi, họ lại tiếp tục băng qua rất nhiều con đường thẳng thớm dẫn đến nhà của người đàn ông vĩ đại nhất thành bang Athens.

“Là nơi này,” cuối cùng ông Melas cũng dừng lại ở một trong số các ngôi nhà.

“Đây là nhà của Ngài Pericles sao ạ?” Daphne kêu lên. “Ồi, con cứ tưởng nó phải là ngôi nhà lớn nhất ở Athens, nhưng trông nó cũng như những ngôi nhà khác thôi.”

“Ngài Pericles không thích chơi nổi,” ông Melas giải thích, khi ông nhấc cái vòng gõ cửa lên. “Ngài ấy quá nổi tiếng rồi không cần phô trương nữa. Ngài ấy quan tâm đến việc xây dựng các công thự tử tế cho thành phố hơn là khiến cho hàng xóm láng giềng ghen tị với mình. Các con hãy từ bỏ ý nghĩ sự vĩ đại đồng nghĩa với sự giàu có và xa hoa, nếu không các con chẳng phải là những người Sparta chân chính, cũng không phải là những người Athens tốt lành.”

Nói xong, ông Melas thả vòng cửa ra. Ngay lập tức, một người khuân vác ra mở cửa, ông này vô cùng ngạc nhiên khi trông thấy ông Melas và hai đứa trẻ song sinh.

“Ngọn gió nào đã thổi ông từ nông trại đến đây?” ông ta hỏi.

“Tôi muốn đến trình diện phu nhân của Ngài Pericles,” ông Melas cung kính trả lời. “Tôi có việc quan trọng.”

“Mời vào, mời vào,” người khuân vác nói, nhoẻn cười tử tế. “Cả các cậu nhỏ này nữa,” ông cẩn thận thêm vào, và tránh sang một bên nhường đường. Dion vừa định mở miệng ra giải thích Daphne không phải là con trai, nhưng Daphne túm hông cậu ta, lắc đầu quầy quậy. “Cứ để ông ấy nghĩ như thế đi,” cô bé nói, xốc lại xống áo cho ngăn băng với của Dion.

Bọn họ được dẫn qua một đoạn hành lang vào trong sân nhà, người khuân vác bảo họ chờ ở đó trong lúc ông ta đi mời bà chủ. Ngôi nhà, dù không khác mấy so với những ngôi nhà giàu có khác ở Athens, nhưng vẫn cứ xinh xắn hơn tất cả những nơi mà bọn trẻ đã đi qua. Sân nhà lát đá hoa cương, bàn thờ thần Zeus được đặt ngay giữa sân, chạm trổ tinh xảo. Lối ra vào các phòng đều được treo màn xanh. Lại có một căn phòng lớn, chính giữa có bếp lò, phía bên kia có cửa sổ ra sân sau, giống hệt như ở nhà bọn trẻ. Chẳng mấy chốc, một cánh cửa mở ra, và bà Telesippe, vợ của Pericles, xuất hiện. Bà là một phụ nữ to lớn, thô ráp, thấp tùng bà có ba cậu con trai, hai người là con ruột của bà và người kia là Alcibiades, một anh chàng điển trai, vốn là cận vệ của Pericles và cũng là người nhà của ông.

Ông Melas tiến lại chỗ bà và cởi áo choàng của mình ra.

“Ồ, Melas, ông có cái gì đó?” bà Telesippe ngạc nhiên khi trông thấy con vật nhỏ màu đen.

“Một điềm báo, thưa bà,” ông Melas nói hết sức nghiêm chỉnh. “Con cừu đực này vừa được sinh ra ở trang trại của chồng bà. Thật kì dị làm sao, nó chỉ có một sừng. Tôi mang nó đến cho bà, vì ta cần giải đoán điềm này. Tôi tin là nó mang lại điều lành.”

Bà Telesippe nhìn con chiên, mặt bỗng tái xanh. Bà vỗ hai tay vào nhau. Người khuân vác và một nô lệ khác lập tức xuất hiện.

“Hãy lên đền thờ mời thầy tư tế Lampon đến đây cho ta,” bà ra lệnh cho người nô lệ. Còn người

khuôn vác thì bà dặn: “Khi nào thầy tư tế đến, hãy vào trong báo với Quan Chấp chính.”

Người nô lệ lập tức biến đi, còn người khuôn vác trở lại vị trí của ông ta ở lối ra vào. Dù rõ ràng bà Telesippe lo lắng, phiền muộn về điềm lạ này, bà mau mắn chú mục vào cái giỏ mà Dion và Daphne đặt trước mặt bà. Sau khi bọn trẻ đã lấy phần ăn trưa của mình ra, bà gọi một nữ nô đến, giao cho chị ta gia cầm, trứng và phó mát.

Ba người con trai, trong lúc đó, túm tụm quanh ông Melas và con chiên, hỏi han đủ thứ chuyện về nó và nông trại. Được một lúc thì người khuôn vác trở lại, dẫn theo thầy tư tế. Hai chị em song sinh chưa bao giờ gặp bất cứ thầy tư tế nào, vì trên đảo chẳng có ai làm việc này, cho nên hai đứa cứ nhìn chăm chăm vào con người được các thần ban cho khả năng đoán điềm giải mộng đó. Đó là một người đàn ông cao và gầy, có cặp mắt đen tối nhìn hơi soi mói. Ông ta vận một chiếc áo choàng dài màu trắng, đeo một vòng nguyệt quế trên trán, mái tóc đen của ông ta tuôn xuống cổ thành những lọn dài, rời rạc.

Ông ta vừa vào sân và tiến đến vị trí bên cạnh bàn thờ thì tấm màn xanh che cánh cửa bên phải mở ra và một người đàn ông cao ráo có dáng dấp tôn quý bước vào. Dion và Daphne biết ngay đó là Pericles. Không ai khác trên đời có được thần thái như vậy cả, bọn trẻ nghĩ. Hai đứa quỳ gối xuống, có cảm giác hết như bạn nếu bạn tình cờ gặp mặt Tổng Thống Hoa Kỳ vậy. Pericles không đi một mình. Theo sau ông còn có một người đàn ông khác, cũng cao lớn, mặc một tấm áo choàng dài màu trắng, cả hai cùng tiến lại gần bàn thờ.



“Người khách lạ kia!” Daphne thì thầm với Dion một cách sùng sốt. “Em nhớ không? Bác ấy đã nói là biết Ngài Pericles!”

Người khách lạ bắt chuyện với ông Melas và vui vẻ đặt bàn tay lên đầu hai đứa trẻ song sinh.

“Đây là những người bạn cũ của tôi,” ông giới thiệu với Pericles. “Mùa xuân trước, tôi đã có dịp nghỉ lại một đêm ở nhà họ.”

Pericles đã chào thầy tư tế trước đó rồi. Giờ thì ông quay sang mỉm cười với bọn trẻ và trò chuyện cùng ông Melas.

“Ta nghe nói có một điềm lạ vừa xảy ra ở nông trại của ta,” ông nói.

Thay vì trả lời, ông Melas trở vào con chiên, con vật bỗng dựng cựa quậy không ngừng, tìm cách thoát khỏi tay ông.

“Không nghi ngờ gì điềm báo này có liên quan đến Quan Chấp chính đây,” thầy tư tế trình

trọng. “Xem con cừu đực này nhảy múa như thế nào khi Ngài ấy xuất hiện kìa!”

Pericles ra hiệu cho người khách lạ. “Ông nghĩ gì về điều này, Anaxagoras?” Pericles hỏi, miệng mỉm cười.

“Tôi không phải là nhà tiên tri,” người khách lạ cũng mỉm cười. “Thầy tư tế mới là người giải câu đố này.”

Thầy tư tế Lampon tiến về phía trước, và với điệu bộ hết sức long trọng, ông ta bứt mấy cọng lông cừu, đặt nó lên hòn than nóng phía trên bàn thờ. Ông quan sát các cọng lông xoắn lại khi bị đốt cháy và kêu tai nghe ngóng. “Nó kêu tí tách nghe vui tai,” ông nói, “con vật này, vì vậy, mang lại điềm lành cho nhà ông, Pendes à. Thay vì hai sừng, con vật này chỉ có một! Thay vì có hai phe phái ở Athens, một phe ủng hộ Pericles, một phe chống, từ bây giờ sẽ chỉ có một! Cả thành bang sẽ thu về một mối dưới quyền lãnh đạo của Pericles, người từ Olympus[7].”

“Ngợi khen các thần!” bà Telesippe mừng rỡ tung hô.

Thầy tư tế vỗ tay và cúi đầu thấp xuống tỏ ý tôn kính, Dion để ý thấy ông ta dò xét thái độ của Pericles qua những lọn tóc phủ lòa xòa của mình. Quan Chấp chính vẫn đứng im lìm bên cạnh ông Anaxagoras, không ai trong hai người tỏ vẻ ấn tượng với trò phù phép này. Trán thầy tư tế nhăn lại dưới vòng nguyệt quế.



“Ta sẽ làm gì với con vật này đây?” Bà Telesippe hỏi, khi thầy tư tế Lampon đã ngẩng đầu trở lại.

“Hãy gửi nó vào đền thờ như một của lễ. Vì nó màu đen, nó sẽ được hiến tế cho các vị thần cai quản thế giới bên dưới,” thầy tư tế trả lời.

Bà Telesippe lập tức gọi một nô lệ đến. Ông Melas trao con chiên cho người này, thầy tư tế nhận một món tiền hậu hĩnh từ tay Pericles rồi ra về, theo sau là người nô lệ.

“Ông làm rất tốt, đã kịp thời đưa con vật này đến chỗ ta,” Pericles nói với ông Melas khi cánh cửa khép lại sau lưng thầy tư tế. “Hãy nhận phần thưởng cho công lao khó nhọc của ông,” Pericles đặt một đồng tiền vàng vào tay ông Melas. “Còn hai cậu bé này,” ông nói thêm, mỉm cười niềm nở, “các cháu cũng có công trong việc đưa vật đưa nó đến đây. Các cháu cũng sẽ được nhận thưởng.” Nói rồi, Pericles tặng cho mỗi đứa một đồng xu, và sau khi đã nhận lời cảm ơn của bố con họ, ông tức tốc ra khỏi nhà, theo sau là Anaxagoras. Bố con ông Melas cũng từ biệt bà Telesippe và mấy người con trai rồi đi khỏi đó.

Khi rẽ qua góc đường kế tiếp, ông Melas mới thở hắt ra: “Thật là quá trí tưởng tượng của bố. Bố hy vọng sẽ không có thêm điềm lạ nào nữa trong thời gian tới.”

“Nếu điềm ấy mang chúng ta đến nhà Đại Quan Pendes, con muốn nó cứ xảy ra ít nhất mỗi tuần một lần!” Dion thích thú, nhìn thật lâu đồng xu mà Pericles đã tặng.

“Chị cũng vậy,” Daphne thêm vào, phấn khởi. “Dù Ngài Pericles có không cho ta bất cứ thứ gì đi chăng nữa, chị vẫn muốn đến Athens chỉ để được nhìn thấy Ngài ấy thôi! Ngài ấy trông cứ như là một vị thần. Chị thấy vậy.” Ông Melas bật cười. “Con nói cứ như bọn người Athens ở đây vậy,” ông nhận xét. “Họ gọi Ngài ấy là người từ Olympus vì họ cũng cảm thấy như con vậy. Đưa cho ta đồng xu của các con nào,” ông nói thêm. “Ta sẽ cất chúng vào túi cho an toàn.”

“Dù sao,” Daphne vừa nói vừa đưa đồng xu cho bố cất, “con rất mừng rằng con vật đó mang lại điềm lành cho Ngài Pericles. Bà lão trên thuyền đã nói đúng. Bà ấy bảo đó là điềm lành.”

VI. LỄ HỘI NỮ THẦN ATHENS



Bố con họ khởi hành từ rất sớm nên sau khi xong việc ở nhà của Pericles thì vẫn chưa hết buổi sáng, ông Melas dẫn hai đứa trẻ đến Agora, trung tâm thương mại và cũng là tâm điểm của các hoạt động xã hội ở thành bang Athens. Ở đây có những khu chợ buôn bán đủ mọi vật dụng cần thiết cho cuộc sống của người Athens. Hai chị em song sinh chưa bao giờ hình dung ra trên đời lại có nhiều thứ đến như vậy. Không chỉ có trái cây, thịt thà, cá mú, rau tươi, hoa hoét, mà còn có các quầy bán đồ gốm sứ tinh xảo, vải vóc thêu thùa đủ màu rực rỡ, thậm chí có cả sách nữa. Những sách này không được đóng quyển như của chúng ta ngày nay. Chúng được viết trên những cuộn giấy da, và được chất đống trên quầy như những thanh củi. Xung quanh khu chợ có nhiều mái vòm được chống đỡ bằng hàng cột đá, điểm trang bằng hàng dây tượng đồng. Ngay trung tâm có một bàn thờ lớn, thờ 12 vị thần trên đỉnh Olympus, các thần mà người Hy Lạp tin là quyền lực nhất trong vô số các thần của họ. Có rất nhiều đền thờ ở Agora, phía sau các đền là đồi núi Athens, với ngọn núi thần thánh Acropolis, nơi linh thiêng nhất trong số các nơi linh thiêng, nằm về phía Nam.

Ông Melas đã nhìn thấy tất cả những cảnh tượng này trước đây rồi, nhưng hai đứa con ông thì đúng là như lạc vào một thế giới khác. Ông dắt tay hai con, mỗi đứa một bên, đến một góc khuất cạnh cái quầy có mấy cô thiếu nữ đang đứng bán vòng nguyệt quế, ở đó bọn họ vừa dùng bữa trưa vừa quan sát người qua kẻ lại.

Chỉ có mấy người bán hoa, bán bánh mì, và các cô nàng thối sáo là phụ nữ, còn lại thì toàn là đàn ông. Có mấy ông bố ra chợ mua lương thực dùng trong ngày. Mỗi người có một nô lệ xách giỏ theo sau, vì không có người đàn ông nào ở Athens lại tự mình xách đồ. Luôn có nô lệ làm chuyện đó. Lại có những người đàn ông mặc đồng phục dài gần giống áo choàng, đầu buộc dải băng, khuôn mặt nghiêm nghị đi qua đi lại trò chuyện với nhau. Và cũng có khá nhiều cậu trò nhỏ, theo sau là các “đốc học”, tức các nô lệ lớn tuổi chịu trách nhiệm mang vác sách vở và chăm lo cho sự an nguy của các cậu ấm.

Đột nhiên, không biết có chuyện gì đó mà đám đông bỗng đổ xô về hướng Nam.

“Bọn họ đi đâu thế ạ?” Dion hỏi.

“Thằng bé người Sparta hung tợn này kém quá,” một người bán vòng nguyệt quế phá ra cười. “Nó thậm chí còn không biết đến lễ hội thường niên của thành Athens nữa. Chạy ra đó mà xem đi, thằng ngốc!”

Ông Melas ném cho cô thiếu nữ một ánh mắt tối sầm. Ông không thích người ta gọi Dion là “người Sparta hung tợn”, cũng không thích chữ “ngốc”, nhưng ông cũng biết rõ là ở Athens thì người Sparta đừng có trông mong được đối xử tử tế. Nghĩ vậy nên ông chẳng thèm nói lời nào mà lập tức đứng lên dắt bọn trẻ đi theo đám đông.

Bọn họ đến con dốc thoai thoải dẫn lên đỉnh Acropolis, rồi cứ thế theo đám đông đi bộ lên phía trên. Được nửa đường, bỗng mọi người nháo nhào, chen lấn, xô đẩy, rồi có tiếng hô to: “Tránh đường cho đoàn rước.” Đám đông dạt ra hai bên, ông Melas và hai đứa trẻ song sinh may sao được đứng ra phía ngoài cùng, nên có thể thấy rõ đoàn thực hiện nghi thức tôn vinh nữ thần Athena leo lên con dốc dài và mất hút sau cánh cửa lớn.

Ở đền thờ Erechtheum, một trong những ngôi đền cổ xưa nhất của quần thể Acropolis, có một pho tượng nữ thần Athena bằng gỗ, người Athens tin rằng nó từ trên trời rơi xuống.



Trong mắt họ, pho tượng rất là linh thiêng, cho nên hằng năm họ đều tổ chức một lễ hội, đem áo choàng và các món đồ trang sức trên mình pho tượng xuống lau chùi, giặt giũ. Năm nay, các thiếu nữ Athens còn thêu cho nữ thần một tấm áo choàng mới tuyệt đẹp. Người ta cẩn thận rước nó lên đền thờ và dâng cho nữ thần trong một nghi thức vô cùng trọng thể.

Hai đứa trẻ chưa bao giờ nhìn thấy nhiều người như vậy trong đời. Dẫn đầu đoàn rước là những người đàn ông có quyền lực nhất trong thành Athens, và người có quyền lực tối cao trong số đó không ai khác hơn là chính khách Pericles. Đi gần ông là triết gia Anaxagoras, điêu khắc gia vĩ đại Phidias, kiến trúc sư Ictinus - người đã thiết kế ra ngôi đền thờ mới mà người khách la từng kể với bọn trẻ. Ngoài ra còn có nhà soạn kịch Sophocles và nhà thơ Euripides, ông Melas nhận ra tất cả bọn họ, một là vì họ rất nổi tiếng trong dân chúng, hai là vì ông đã nhiều lần gặp bọn họ ở nhà của Pericles hoặc thấy họ đi dạo trên đường phố Agora trong những chuyến đi Athens trước đây. Ông có thể điểm mặt chỉ rõ tên từng người.

“Người đàn ông kì dị có cái mũi hếch đi phía sau nhà soạn kịch Sophocles là triết gia Socrates,” ông nói. “ông ấy cũng là bạn của Ngài Pericles, dù ông ấy nghèo túng và kì dị, lại còn thích đứng giữa chợ huyền thuyên với bất kì ai muốn nghe ông ấy.”

“Có đến hai triết gia ở Athens lận hả bố?” Dion hỏi. “Con tưởng chỉ có mỗi ông Anaxagoras là triết gia.”

Ông Melas bật cười. “Triết gia ở Athens nhiều như ong trong tổ,” ông đáp, “cả các nhà thơ cũng vậy.”

Chiếc áo choàng thêu tuyệt đẹp được đặt trên một cỗ xe có hình dạng như con thuyền, giờ mới xuất hiện, đám đông trầm trồ khen ngợi khi chiếc áo được rước ngang qua. Sau đó thì đến một tốp thiếu nữ đội giỏ, đội vò trên vai. Tiếp theo là các bà lớn tuổi, vì phụ nữ cũng được phép tham gia lễ hội này. Sau họ là một tốp thanh niên trai tráng ngồi trên lưng ngựa, ngoài ra còn có rất nhiều thanh niên dẫn mấy con bò có buộc nơ để lát nữa sẽ làm lễ sát tế. Đoàn rước dài đến độ khi khúc đầu đã lên đến đỉnh con dốc thì khúc đuôi vẫn còn nhì nhằng phía dưới đường. Đoàn rước cứ thế tuần tự tiến lên đồi, như một đường chỉ mảnh giữa hai bên đám đông, chỉ đến khi khúc đuôi đi qua hết, người dân mới lục tục khóa đuôi, cùng tiến lên đỉnh đồi thần thánh.

Ông Melas và lũ trẻ chen chúc với những người khác, nhưng vì có quá đông người nên đám đông di chuyển hết sức chậm chạp. Khi bố con họ đến được gần bàn thờ phía trước đền Erechtheum thì các nghi thức đã hoàn tất, không gian sực nức mùi khói và thịt nướng.

Bữa tiệc kết thúc thì trời đã về chiều, đám đông vẫn còn túm tụm đầy trên đỉnh Acropolis. Chẳng là, như một phần của lễ hội, người ta tổ chức rất nhiều trò chơi và chương trình biểu diễn. Dion và Daphne mải mê xem các trò nuốt kiếm, nhào lộn, rồi xem mấy người đàn ông làm ảo thuật, đến nỗi quên bém mắt cái đầu Gorgon và mớ tóc rắn, thứ mà Dion rất muốn xem. Daphne là người đầu tiên nhớ ra chuyện đó.

“Ta đi xem đền thờ mới mà Ngài Pericles cho xây dựng ở đằng kia. Các con có muốn đi xem cùng không?” ông Melas hỏi hai con. “Ở đâu ạ?” Dion hỏi lại. Ông Melas chỉ tay vào những khối đá lớn ở phía Nam của đỉnh Acropolis. Đúng lúc đó, Daphne sực nhớ ra đầu tượng.

“Dion muốn đi xem đầu rắn Gorgon,” cô bé nói.

“Vậy thì,” ông Melas trả lời, “nhanh lên kéo trời tối, chúng ta còn phải đến nhà bác các con nữa.”

Hai đứa trẻ lập tức chạy ngay đến chỗ bức tượng đồng cao lớn ở gần lối vào. Bọn trẻ đi được một lúc thì ông Melas mới sực nhớ ra mình chưa hẹn chỗ gặp lại.

“Chắc chúng cũng chỉ loanh quanh ở gần bức tượng thôi,” ông tự nhủ, và yên tâm đi xem người ta xây dựng phần nền móng của đền thờ Parthenon.

Trong lúc đó, bọn trẻ chạy vòng ra phía trước bức tượng, dòm lom lom vào tấm giáp hộ thân của nữ thần, nơi ông Phidias khảm đầu Gorgon. Quả vậy, cái đầu nằm ở đó với đôi mắt mở trừng trừng và những lọn tóc đầy rắn xoắn xuýt.

“Ưc! Đúng như chị nghĩ, chị không thích nó chút nào,” Daphne nói, lấy tay che cả hai mắt lại. “Trông còn ghê hơn cả mấy con lươn.”

“Thà đi xem cái ông nuốt kiếm còn hơn,” Dion đáp. “Mình đi xem nữa đi,” nói rồi, cả hai chạy về phía đám đông đang tụ tập quanh cái quầy nhỏ bên ngoài ngôi đền Erechtheum.

Mãi cho đến khi đã xem màn nuốt kiếm hai lần, ăn lửa một lần, và thấy người làm trò thu dọn đồ nghề đi về thì hai chị em song sinh mới sực nhớ đến vấn đề giờ giấc. Khi cả hai phát hiện ra

mặt trời đã khuất sau những ngọn đồi màu tím và nhìn ra xung quanh thì chỉ còn lại rất ít người ở trên đỉnh Acropolis, và ông bố thì không thấy đâu cả.



Hai đứa cố chạy nhanh hết mức đến chỗ ngôi đền Parthenon đang xây, nhưng cũng không có ai ở đó. Ngay cả thợ xây cũng đã ra về. Bọn trẻ bèn chạy trở lại, nhìn xuống con dốc dài mà đoàn rước đã đi lên hồi sáng, nhưng cũng không thấy tăm hơi ông Melas. Hai chị em thất thểu trở lại chỗ nữ thần Athena, nhưng vẫn không ai đợi chúng ở đó. Chỉ có đầu rắn Gorgon nhìn chúng với đôi mắt trợn trừng sợ phát khiếp, Daphne còn ngỡ mình vừa thấy bọn rắn chuyển động.

“Ồi, chạy đi thôi,” cô bé la lên.

“Chạy đi đâu?” Dion hỏi.

“Chị không biết,” Daphne nói. “Miễn là tránh xa chỗ này! Hãy chạy trở lại đền Erechtheum. Có lẽ bố đang ở đó tìm chúng ta.”

Hai đứa rảo một vòng quanh ngôi đền cổ, một phần đã thành phế tích, vẫn không thấy bóng dáng ông bố đâu, cả hai tiu nghỉu ngồi xuống các bậc thêm dần lên đoạn Hành Lang Trinh Nữ ở phía Nam ngôi đền. Sở dĩ gọi là Hành Lang Trinh Nữ vì thay vào chỗ các cột đá chống đỡ đền thờ là các bức tượng trinh nữ tuyệt đẹp. Daphne say sưa ngắm nhìn các bức tượng này.

“Trông họ thật mạnh mẽ, giống hệt như mẹ,” cô bé nói. “Có họ ở đây thì mình không sợ đơn độc nữa. Có lẽ ta sẽ phải ở đây nguyên đêm.” “Chị không nghĩ là ta có thể tự tìm đến nhà bác Phaon sao?” Dion hỏi.

“Thôi,” Daphne kêu lên, rùng mình, “không được đâu! Ngay cả ban ngày còn không tìm được, huống hồ giờ đã gần tối rồi.”

“Dù sao,” Dion nói, “lạc ở đây vẫn an toàn hơn là lạc ở những nơi khác trong thành Athens. Đây là nơi trú ngụ của các vị thần mà. Các thần sẽ chăm lo cho chúng ta.”

“Chúng ta nên hiến một vật gì đó trên bàn thờ,” Daphne bàn, “và cầu nguyện, giống như cách bố vẫn làm.”

“Chúng ta chẳng có cái gì để hiến tế cả,” Dion trả lời. “Chúng ta còn không có gì để ăn nữa kia.”

Bọn trẻ mệt, đói lả và mất tinh thần đến nỗi không nói được thêm lời nào. Hai đứa cứ ngồi lặng yên trong bóng tối, thực lòng ao ước mình chưa bao giờ đặt chân đến Athens.

Bỗng bọn trẻ giật mình nghe có tiếng bước chân phía trên hành lang. Đoạn hành lang ở tít trên cao, mà cả hai thì lại ngồi xổm khá thấp bên dưới gần mặt đất, nên không ai từ phía trên có thể nhìn thấy chúng trừ khi họ tựa vào lan can và nhìn xuống. Hai chị em ôm chặt lấy nhau trong bóng tối, miệng im thin thít. Đột nhiên, cả hai nghe thấy có tiếng nói phía trên đầu, có hai

người đàn ông đang trò chuyện với nhau trên hành lang, họ hạ giọng rất thấp. Cả hai lập tức nhận ra giọng của ông thầy tư tế Lampon.

“Nhìn đằng kia đi,” giọng đó nói tiếp. “Pericles mải mê xây dựng những ngôi đền thờ mới khắp Athens, trong khi đó ông ta lại bất kính và lãng quên ngôi đền cổ kính nhất, thiêng liêng nhất này. Pericles không sợ các thần, dù chính các thần đã cất nhắc ông ta lên địa vị đáng tự hào ngày nay. Ông ta là một kẻ phản bội thánh thần, tôi ghét ông ta.”

“Ông nói to quá đấy,” giọng nói còn lại vang lên.

“Ông ta không chỉ xao lãng các đền thờ cũ và từ chối việc trùng tu, mà ông ta còn xây hẳn một đền thờ mới ngay trước mắt chúng ta trên ngọn đồi thần thánh này,” giọng của Lampon tiếp tục vang lên. “Không chỉ là bất kính, mà còn là sự nhục mạ đối với ông và ngôi đền linh thiêng của ông. Bản thân tôi sáng hôm nay đã chứng kiến sự khinh thường và lãnh đạm của ông ta. Bà vợ ngoan đạo của ông ta gọi tôi đến nhà để xem một con vật bẩm sinh kì dị. Đó là một con cừu được được sinh ra ở nông trại của ông ta, nó chỉ có một sừng - con vật thật kì lạ!”

“Thế ông giải thích điềm lạ đó ra sao?” giọng nói kia hỏi lại.

“Dĩ nhiên là điềm lành cho ông ta,” Lampon trả lời. “Tôi còn có thể làm được gì khi mà Pericles đứng nhìn ngay ở đó, và lại có cả con cáo già Anaxagoras đứng ngay bên?”

“Các thần luôn trừng phạt những kẻ không có lòng tin,” giọng nói kia đáp, “mà chúng ta lại là tư tế lo việc phụng sự các thần. Sao chúng ta không đưa những con người tội lỗi đó ra trước công chúng?”

“Đúng thế, nhưng mà,” Lampon nói, “dân chúng tôn sùng Pericles. Họ sẽ không tin ông ta là kẻ xấu xa. Chúng ta phải hành động cẩn thận, nếu không sẽ bị gây ông đập lưng ông.”

“Tôi nghe nói chiều nay ông ta đã ra bến cảng Piraeus xem đua thuyền,” ông thầy tư tế kia nói, “sau đó, ông ta sẽ đến dự yến tại nhà của tên Hipponicus giàu sụ và về nhà rất trễ. Nếu như ta phục sẵn ở đó và chọc cho ông ta nổi giận, thế nào ông ta cũng sẽ thốt ra những lời lẽ báng bổ đối với chúng ta, mà không biết chúng ta là các tư tế. Có thể ông ta sẽ đe dọa hành hung ta! Khi đó, ta sẽ khép ông ta vào cái tội bất kính với các tư tế, nghĩa là bất kính với các thần. Không ai ở Athens, kể cả Pericles, có thể bình yên vô sự sau khi đã xúc phạm đại diện của các thần.”

“Ý hay đó, thật đáng mặt thầy tư tế của đền thờ Erechtheum,” giọng Lampon vang lên.

“Chúng ta sẽ cởi bỏ áo choàng thầy tu và xuất hiện như những người đàn ông bình thường. Pericles phải không được nghi ngờ chúng ta, nếu không, ông ta sẽ không để mình thốt ra những lời lẽ bất kính với chúng ta, mà thay vào đó là những lời giả dối như thường lệ. Sau đó, mỗi người chúng ta có thể làm chứng cho người kia, và thế là ông ta hết đường chối cãi.”

Nếu như Daphne không tình cờ nhảy mũi, thì mọi chuyện xảy ra sau đó hẳn sẽ rất khác. Nhưng khổ nỗi cô bé lại hắt hơi đúng ngay vào lúc đó! Ngoài trời rất lạnh và ẩm thấp, cô bé lại ngồi trên bậc thang đá lạnh, cho nên mới có một tiếng “át-xì” rõ to khiến hai kẻ đang bày mưu tính kế phía trên kia giật thột. Hai đứa trẻ sợ điếng cả người, chỉ dám len lén nhìn lên, đúng lúc ở phía trên lan can, hai cái đầu khác cũng đang nhìn chòng chọc xuống.

“Ai đó?” Lampon hỏi.

Bọn trẻ sợ quá không đáp lời.

“Mang đuốc ra đây,” giọng ông thầy tư tế kia vang lên, rồi chỉ một tích tắc sau, hai cái đầu lại

nhô ra khỏi lan can, cây đuốc trong tay Lampon hắt ánh sáng lên mặt hai đứa trẻ song sinh, lúc này đang ngửa mặt nhìn lên.

“Các người là ai?” vị tư tế ở đền Erechtheum hỏi, “các người đang làm gì vào giờ này, hai tên gián điệp nhỏ thó kia?”

“Ôi, làm ơn mà, chúng cháu không phải là gián điệp,” Dion kêu. Cậu bé chẳng hiểu gián điệp là gì, nhưng nghĩ an toàn nhất là cứ nói mình không phải. “Chúng cháu bị lạc ạ!”

“Lên đây ngay lập tức.” Lampon ra lệnh.

Hai đứa trẻ, chết điếng nửa người vì sợ, đi vòng qua phía kia của hành lang, leo lên các bậc thềm, và đứng run rẩy trước mặt các tư tế. Lampon giờ đuốc sẫm soi thật kĩ.

“Chẳng phải ta đã gặp các người lúc sáng nay ở nhà Pericles sao?” ông ta đánh giọng. Hai chị em song sinh gật đầu.

“Ai sai các người đến đây?” ông ta tra hỏi.

“Không ai cả ạ! Chúng cháu bị lạc,” Daphne khốn khổ kêu lên.

“Hừm!” thầy tư tế kia lên tiếng. “Cũng có thể là như vậy.”

“Các người có nghe những gì chúng ta vừa nói không?” Lampon hỏi. Ông ta nắm lấy vai của Dion, và vì cậu bé không trả lời ngay được, ông ta lắc lắc.

“Nói đi, có hay không,” ông ta quát.

“C-ó-ó ạ,” Dion lắp bắp.

Hai thầy tư tế đưa mắt nhìn nhau, và Lampon nói: “Hai đứa này là con của cái gã đã mang con chiên đực đến cho Pericles. Chúng nó sống ở nông trại của ông ta.”

“Thế thì chắc phải lâu lắm nữa bọn nó mới nhìn thấy lại nông trại của mình,” người kia giễu cợt. “Bọn nó nói bọn nó đi lạc. Hay lắm, vậy thì ta cứ coi như là chúng đi lạc. Ông nghĩ sao về việc đưa chúng sang châu Phi? Hai đứa này sẽ là hai nô lệ xinh đẹp đắt giá đấy! Thuyền đi Alexandria sẽ khởi hành vào ngày mai. Dễ thu xếp thôi mà. Tôi biết tay thuyền trưởng.”

“Ý hay đó!” Lampon nói. “Hai đứa này là người thân cận với Pericles, chúng cũng có khả năng chống lại các vị thần. Như vậy, việc ta đưa chúng đến một nơi chúng không thể tiết lộ các bí mật của đền thờ là một việc làm đúng đắn.

Bọn trẻ sợ hãi không thốt nên lời. Hai tên bắt cóc đẩy chúng một cách thô bạo vào trong đền thờ, dẫn chúng qua một gian nội thất âm u chỉ có vài ngọn đuốc sáng, tới một căn phòng nhỏ xíu như cái nhà kho ở phía sau đền. Khi di chuyển, mấy cái bóng đen khổng lồ do ngọn đuốc của Lampon tạo ra cứ nhảy múa trước mặt bọn trẻ như đe dọa. Đến nhà kho, hai tên tư tế dừng lại, mở cửa.

“Đây sẽ là nơi trú ngụ an toàn của hai người đêm nay,” Lampon vừa nói vừa đẩy bọn trẻ vô bên trong. “Mai chúng ta sẽ tìm một nơi khác an toàn hơn cho các người,” nói rồi ông ta khóa cửa chốt cả hai lại.

Bọn trẻ kiệt sức vì đói và sợ hãi đến nỗi dù mang trong mình dòng máu Sparta, cả hai vẫn ngồi bệt xuống nên đá lạnh ôm nhau khóc.

“Ôi mẹ ơi, mẹ ơi,” Daphne nức, “sao tụi con lại muốn đi xa mẹ chứ?”

“Chị không nhớ,” Dion nói, cố gắng ngăn nước mắt, “dấu hiệu đó là điềm lành hả? Sẽ ổn cả thôi, vì từ mà mẹ nghe được là “Đi” mà!”

“Giá như chị đừng có nhảy mũi!” Daphne khóc.

“Nhưng nhảy mũi cũng là một điềm lành,” Dion nói.

“Ừ, dù sao,” Daphne ra vẻ cứng cỏi, dù giọng cô bé lạc hẳn đi và răng đánh cèm cạp, “khóc cũng chẳng được gì. Ta thử xem xét xung quanh xem coi có thứ gì trong phòng này không.”

Căn phòng tối om, ngoại trừ một luồng ánh sáng mờ hắt xuống từ cửa sổ trên tường. Dion và Daphne bám sát nhau, lần tay vào tường, cẩn thận xem xét chung quanh. Dion bỗng vấp phải một thứ gì đó. Thì ra đó là cái rương đựng quần áo của mấy ông thầy tư tế.

“Mình xê dịch nó một chút được không ta?” Daphne thì thầm. “Nếu được, mình có thể nhìn ra ngoài cửa sổ xem thử hai đứa đang ở đâu.”

Cả hai cùng đứng về một phía và ra sức đẩy cái rương. Cái rương nhúc nhích, tạo ra một tiếng rít ghê rợn trên sàn đá.



“Suýt,” Daphne thì thầm, làm như cái rương có tai để nghe. Bọn trẻ nín thở theo dõi tiếng bước chân. Ngoài kia không có động tĩnh gì. Chúng dừng một chút, và lại tiếp tục đẩy. Cái rương lại rít lên, và một lần nữa bọn trẻ lại dừng lại nghe ngóng. Sau rất nhiều nỗ lực, cuối cùng cái rương cũng được di chuyển đến bên dưới cửa sổ, hai chị em leo lên nóc rương và nhòm ra bên ngoài. Phải đứng nhón chân, hai đứa mới có thể nhìn qua bậc cửa. Thời đó chưa có kính nên gió đêm cứ vô tư thổi tạt vào mặt bọn trẻ. Cả Acropolis như tắm trong ánh trăng. Bên ngoài vắng lặng, không ai lai vãng.

Giống như cả thế giới đã trùm chặn đi ngủ. Bỗng, có tiếng cú kêu phá vỡ sự tĩnh mịch, rồi một con diều to bay về phía lũ trẻ.

“Đó là con diều của nữ thần Athena,” Dion thì thầm, “và nó bay đến từ hướng Đông. Đó là điềm lành, ôi, có lẽ là chúng ta sắp ra khỏi cái nơi chết tiệt này rồi!”

“Ta hãy khẩn cầu nữ thần Athena,” Daphne run run. “Chúng ta không có gì để hiến tế, nhưng có lẽ thần vẫn sẽ trợ giúp chúng ta.” Hai tù nhân nhỏ tuổi dang tay hướng về phía trời cao, và Dion thầm thì: “Xin giúp chúng con, hỡi nữ thần Athena, giống như xưa kia thần đã giúp Perseus giết chết rắn thần Gorgon.”

“Xin ban cho chúng con sự thông thái để thoát ra khỏi nơi này và cứu Ngài Pericles khỏi tay

những kẻ độc ác,” Daphne thêm vào. “Suyt,” Dion thì thào, “bọn họ là thầy tu đó!”

“Bọn họ là những kẻ ác, dù họ có làm nghề gì đi nữa, họ đã muốn giết ngài Pericles,” Daphne quả quyết. Rồi bỗng cô bé nghĩ ra một chuyện: “Có lẽ bọn mình được gửi đến đây là vì vậy! Mình được gửi đến để cảnh báo Ngài Pericles về âm mưu của bọn thầy tu. Nhưng mình phải thoát khỏi đây trước đã. Dù gì mình cũng là người Sparta, mình không được bù lu bù loa nữa mà phải nhanh chóng hành động.”



Dion đặt tay lên bệ cửa và thử bật người lên.



“Phải có chị đẩy giúp em mới lên được trên đó,” cậu bé nói.

“Nhưng còn chị thì sao?” Daphne hỏi. “Sẽ không có ai đẩy chị cả.”

“Em sẽ kéo chị lên,” Dion nói.

“Em sẽ bật ngựa ra sau mất, có khi còn cắm đầu xuống đất đó chứ,” Daphne nói.

“Dù sao cũng cứ thử xem,” Dion nói.

Daphne đẩy, và Dion đu người lên, chỉ một phút sau cậu bé đã ngồi chễm chệ trên bệ cửa, hai

chân vắt vẻo nửa trong nửa ngoài. Cậu vịn chặt tay trái vào cửa sổ, nghiêng người xuống, đưa tay phải cho Daphne bắt lấy. Cô bé đưa tay trái cho em, rồi đặt tay còn lại lên bệ cửa và nhảy phốc lên. Dion giúp chị xoay trở lại tư thế ngồi.

“Chỗ này cũng không phải là quá cao,” Dion thì thầm. “Ở nhà em đã phi thân từ ban công xuống sân nhiều lần rồi.”

“Hay lắm,” Daphne nói, “Em xuống trước đi, chị theo sau.”

Dion xoay người, ngoái đầu ra xa, nhìn tứ phía. Đoạn cậu buông mình xuống khỏi bệ cửa, đánh đu một lúc, và tiếp đất như một con mèo. Cậu ta nép sát vào bức tường của đền thờ, không bao lâu sau, Daphne cũng xuống an toàn ngay bên.

“Giờ thì,” Dion thì thầm, “mình sẽ chạy hết tốc lực đến pho tượng nữ thần Athena.”

Tay trong tay bọn trẻ chạy dưới trăng, và chẳng mấy chốc đã náu mình dưới chân pho tượng lớn bằng đồng.

“Ta đợi ở đây một chút, quan sát đã,” Dion thì thào.

Cả hai cùng ngồi xuống trong bóng đêm, nhìn ngược lại. Trái tim hai đứa suýt ngừng đập khi thấy hai cái áo choàng ló ra khỏi đền, chúng nhận ra ngay đó là Lampon và ông thầy tu ở đền Erechtheum. Hai người họ cặp sát pho tượng đến độ bọn trẻ có thể nghe rõ mồn một những gì họ nói, dù cả hai đã cố gắng hạ thấp giọng.

“Ta sẽ đón đợi ở đầu đường Amphorae,” bọn trẻ nghe Lampon nói. “Chắc chắn là ông ta sẽ đi qua đường đó. Lỡ tôi sẽ có dịp nói xả láng những điều mà tôi không khi nào dám nói dưới lớp áo thầy tu.”

“May mà ông nhận ra lũ chuột nhắt đó,” thầy tư tế đền Erechtheum nói. “Không thì bọn chúng rất có thể sẽ làm đảo lộn mọi kế hoạch của chúng ta.”

“Hai con chuột nhắt” phía sau bức tượng tung nắm đấm về phía hai cái bóng đang đi xa dần. Hai đứa chờ cho đến khi tiếng bước chân mất hẳn mới nhanh chóng rời khỏi nơi ẩn náu và chạy như bay xuống con dốc dần lên đỉnh đồi ban sáng. Chẳng mấy chốc, cả hai đã xuống đến nơi. Chúng chỉ kịp thấy hai cái bóng đen đi về hướng bắc. Cả hai lại thu mình vào một xó tối.



“Mình làm gì kế tiếp đây?” Daphne nói. “Mình đâu có biết đường. Thậm chí mình còn không biết bác mình sống trên đường nào nữa.”

“Tên của cái người đàn ông giàu có đang thắt đai Ngài Pericles là gì nhỉ?” Dion hỏi, bỗng dưng sáng mắt lên.

“Ôi chao,” Daphne nói, “Chị không nhớ. Để chị xem nào. Hip-Hip-”

“Ponicus,” Dion hoàn tất, “đúng là vậy! Chắc chắn bất kì người Athens nào cũng biết nơi ở của một người đàn ông giàu có như ông Hipponicus. Mình phải tiếp tục đi cho đến khi gặp được ai đó để hỏi đường.”

“Coi chừng gặp ngay Lampon!” Daphne rùng mình.

“Không có đâu,” Dion trấn an. “Bọn họ đi theo lối kia mà. Bọn họ đến đường Amphorae. Mình biết cái đường đó. Nó có một hàng chậu dài, chị nhớ không? Mình đã đi ngang qua đó sáng nay.”

“Nếu mình tìm được nhà của ông Hipponicus và cảnh báo Ngài Pericles về âm mưu của bọn thầy tu trước, chị chắc chắn là Ngài ấy sẽ che chở cho mình,” Daphne nói.

Phấn khích với suy nghĩ này, hai đứa trẻ bạo dạn bước ra khỏi chỗ nấp, nhắm hướng Tây chạy thẳng. Chúng có gặp một vài người, nhưng hai đứa không dám mở miệng nói chuyện với ai cả. Cuối cùng, cả hai đến trước cổng thành Athens.

“Giờ chúng ta phải làm gì nữa đây?” Daphne thì thầm. “Mình không thể đi xa hơn được nữa.”

“Chà, em biết chỗ này,” Dion thì thầm một cách mừng rỡ. “Đây là cánh cổng dẫn ra con đường lát đá đi về phía bến cảng Piraeus. Nó chính là cái cổng mà ta đã đi qua sáng nay. Chúng ta gặp may chắc rồi!”

“Mình cứ đợi ở đây, hỏi thăm người đầu tiên mình gặp,” Daphne nói. “Chắc chắn là sẽ đúng người.”

Hai đứa trẻ chờ đợi, tim đập thình thịch. Một bóng người cao lớn xuất hiện, tiến về phía cổng thành, theo sau là một người nô lệ cầm đuốc. Khi người đàn ông đến gần, bọn trẻ liều lĩnh bước ra gặp ông ta.

“Ông làm ơn cho chúng cháu hỏi đường đến nhà ông Hipponicus ạ?” Dion lễ phép.

Người nô lệ dừng lại, nô lệ của ông ta soi đuốc vào mặt bọn trẻ.

“Thánh thần ơi,” người đàn ông nói, “bọn trẻ các cháu làm gì ở đây vào lúc đêm hôm thế này?”

“Người khách lạ! Ông Anaxagoras!” Daphne kêu lớn tiếng, “Ôi, chị biết thể nào thần Athena cũng giúp chúng ta mà!” Thế rồi, hai đứa trẻ lao vào vòng tay ông triết gia, quá vui mừng, quá nhẹ nhõm.

Bọn trẻ liền kể cho ông này nghe toàn bộ câu chuyện trên đỉnh Acropolis, giải thích lí do chúng muốn tìm nhà ông Hipponicus.

“Được thôi,” ông Anaxagoras nói khi bọn trẻ kể xong chuyện, “Ta sống ở Piraeus. Ta đang trên đường về nhà, nhưng giờ ta sẽ đi với các cháu đến nhà ông Hipponicus, để các cháu kể lại tường tận cho Ngài Pericles nghe.”

VII. TRỞ VỀ NHÀ



Được sự trợ giúp của Anaxagoras và người nô lệ, bọn trẻ nhanh chóng được đưa đến sân nhà của người giàu có nhất thành bang Athens, rồi thì Anaxagoras nhờ người đi báo tin cho Pericles, lúc này đang dùng bữa tối với một nhóm người trong một căn phòng lớn. Khi người nô lệ mở cửa phòng tiệc, bọn trẻ nhìn thấy mấy người đàn ông đang nằm tựa trên ghế dài, đầu đội vòng nguyệt quế, nói cười vui vẻ. Mùi đồ ăn xông lên thơm phức, hai đứa thi nhau hít hà một cách thèm khát. Pericles nhanh chóng xuất hiện, trên trán đội một vòng nguyệt quế, càng trông giống một vị thần hơn bao giờ hết, ít ra là trong suy nghĩ của Daphne. Anaxagoras kể cho ông ta nghe lại chuyện mà bọn trẻ đã nói với mình.

“Một kế hoạch rất tinh vi, nhỉ?” Pericles sa sầm nét mặt khi Anaxagoras kết thúc câu chuyện.

“Bọn họ cũng có nói về bác nữa ạ,” Daphne mách, nhìn về phía ông Anaxagoras.

“Hay thật!” Anaxagoras đáp. “Vậy ra ta cũng bị dính vào chuyện này! Bọn họ nói gì?”

“Bọn họ gọi bác là một con cáo già,” Daphne nói. Hai người đàn ông bật cười.

“Tôi nghĩ tôi sẽ phải cố gắng sống sao cho xứng với ý kiến của bọn họ,” Anaxagoras quay sang Pericles, mỉm cười.

Sau đó, Pericles nhìn bọn trẻ và dịu dàng đặt tay lên hai mái tóc rối bời.

“Vậy là các cháu đã một mình chạy khắp Athens trong đêm tối để cảnh báo ta sao?” ông nói.

“Các cháu đã gặp nguy hiểm cũng là vì ta sao? Ta sẽ tìm cách đối phó với hai con rắn già đạo đức giả ở đỉnh Acropolis. Nhờ các cháu, ta không bị rơi vào bẫy của bọn chúng. Và ta, Pericles, trước nay chưa bao giờ quên bất kì một ơn nghĩa nào. Nào, giờ thì các chàng trai Sparta,” ông trìu mến nâng cằm bọn trẻ lên, nhìn vào gương mặt nhợt nhạt và đôi mắt của chúng, “các cháu cần ăn uống, nghỉ ngơi một chút!”

Ông vỗ tay, một người nô lệ xuất hiện. “Báo với chủ nhân Hipponicus rằng ta, Pericles, có hai người bạn đang ở đây, ta tha thiết mong họ cũng được chủ nhà thiết đãi tử tế.”

Người nô lệ biến đi và nhanh chóng bê ra một khay thức ăn thịnh soạn, toàn những món mà bọn trẻ chưa từng nếm bao giờ. Pericles kiên nhẫn đợi cho đến khi cơn đói ăn của bọn trẻ dịu bớt đi, bằng cách chuyện trò với ông Anaxagoras. Khi chúng đã ăn xong, ông mới lại nói chuyện.

“Giờ thì, các chàng trai Sparta đừng cảm,” ông nói, “vì các cháu đã rất lo lắng cho sự an nguy của ta, nên ta có nghĩa vụ chăm lo cho hai cháu. Các cháu có biết bố mình sẽ đi đến những đâu không? Hẳn ông ấy đang lục tung cả thành phố lên để tìm kiếm các cháu.”

“Bố con cháu định qua đêm tại nhà của bác cháu là Phaon, người thợ xẻ đá,” Dion nói, “nhưng chúng cháu thì không biết nhà bác ấy.”

“Phaon ư,” Pericles vuốt râu suy nghĩ. “Có phải đó là người làm công ở xưởng của điêu khắc gia Phidias không? Ở đó có một người thợ tên như vậy, ta nhớ ra rồi, người đó được gọi là Phaon người Sparta.”

“Hẳn đó là bác cháu,” Dion nói, “nhưng cháu không biết nhà bác ấy. Trước nay cháu chưa từng đến Athens, còn bác Phaon thì lại chưa từng ghé thăm nông trại.”

“Ta có thể dò hỏi từ phía Phidias,” Anaxagoras nói, và quay sang người nô lệ, ông dặn bảo, “Hãy chạy nhanh đến nhà của Phidias và nói với ông ta là Đại Quan Pericles muốn biết nhà của Phaon người thợ xẻ đá.”

Người nô lệ đua hết tốc lực và không bao lâu sau thì quay trở lại với thông tin Phaon sống gần cổng thành Tây Bắc. “Tôi biết đường đến đó,” người nô lệ nói thêm.

“Rất tốt,” Anaxagoras nói. “Chúng tôi sẽ đưa bọn trẻ đến đó. Và sau đó tôi sẽ đến đợi ở nhà ông, Pericles ạ, vì tôi rất muốn biết đoạn kết của câu chuyện. Tôi muốn biết ông đối phó với hai tên phản tặc cáo già đó như thế nào.”

“Dĩ nhiên khi đã biết ý đồ của bọn họ,” Pericles đáp. “thì cũng dễ đối phó thôi! Ta sẽ không thềm đáp trả nửa lời khi chúng giở trò gây hấn. Trái lại, ta còn tử tế bảo nô lệ của mình tháp tùng những người gây hấn, soi đuốc đưa đường dẫn lối cho họ về nhà.” Anaxagoras cười muốn rót tim ra ngoài. “Tuyệt,” ông nói to, “và rất ư là hài hước. Một ngọn đuốc sáng đưa kẻ làm lạc về đường ngay nẻo chính chính là thứ mà họ cần nhất bây giờ. Không còn một kế hoạch nào hay hơn nữa để đối phó với âm mưu tội lỗi của bọn họ.”

“Ta ước gì mọi âm mưu đều dễ dàng đối phó như vậy,” Pericles cất giọng buồn bã. Đoạn, quay

sang bọn trẻ, ông tử tế nói thêm: “Các cháu không việc gì phải sợ nữa. Người bạn tốt Anaxagoras của ta và tên nô lệ của ông ấy sẽ đưa các cháu đến nhà ông bác an toàn, và bác các cháu chắc chắn sẽ biết chỗ tìm bố các cháu.”

“Ngài sẽ không để cho Lampon bắt và bán chúng cháu đi làm nô lệ chứ, phải không ạ?” Daphne khẩn thiết. “Bọn họ bảo rằng sẽ bán chúng cháu đi Alexandria.”

Nét mặt Pericles sa sầm lại. “Bọn chúng dám dọa các cháu thế ư?” ông la lên. “Bọn khốn kiếp sẽ không bao giờ đặt được một ngón tay lên mình các cháu! Pericles, Quan Chấp chính, đảm bảo là như vậy. Giờ thì các cháu phải mau chóng rời khỏi đây. Bố các cháu sẽ nóng hết ruột gan chừng nào chưa gặp lại các cháu. Sáng mai ta sẽ sai người đưa đến nhà bác các cháu một gói đồ, các cháu đừng vội mở ra chừng nào chưa về đến nhà an toàn. Khi nào các cháu lớn lên, ta mong các cháu khỏe mạnh, gan dạ, ta mong thấy các cháu đứng vào hàng ngũ các tướng lĩnh của đoàn quân Athens.”

“Cháu không thể lớn lên thành một người đàn ông khỏe mạnh, gan dạ được,” Daphne lí nhí “Cháu muốn được vậy lắm. Nhưng mà cháu là con gái.”

“Con gái ư?” Pericles ồ lên ngạc nhiên, “Vậy mà cháu hết sức can đảm! Yên tâm, ít ra cháu cũng sẽ thành mẹ của các chiến binh dũng cảm. Nhưng sau vụ việc này, cháu nên ngoan ngoãn ở nhà, cháu ạ. Phụ nữ không nên có quá khứ hào hùng.” Nói xong ông quay trở vào trong phòng tiệc.

Khi cặp sinh đôi cùng với ông Anaxagoras và người nô lệ đến nhà ông bác, họ thấy cánh cửa đang để mở, nhiều người tắt bật ra vào, đuốc thấp sáng trưng. Trong sân nhà, ông Melas đang đứng nói chuyện với Phaon và vợ ông này.

“Tôi đã đào tung mọi góc ngách của Acropolis,” ông Melas nói. “Thật không hiểu sao bọn trẻ lại biến mất tăm.”

“Các thần trừng phạt chú đấy,” vợ của Phaon nói. “Chú không nên để cho Daphne chạy lông nhông ngoài phố như một thằng con trai. Đó là một việc làm trái với tự nhiên. Không có đứa con gái Athens tử tế nào lại được phép như vậy. Tôi chưa bao giờ ra khỏi nhà mẹ tôi, trừ phi có những lễ hội dành riêng cho phụ nữ, cho đến tận lúc lập gia đình.”

“Nhưng, mình này,” Phaon dịu giọng, “mình quên mất người Sparta rất khác sao?”

“Thì chính vậy đó!” vợ Phaon đáp, “giờ thì bọn họ thấy hậu quả rồi đó. Theo ý tôi thì bọn trẻ tinh nghịch đó hẳn đã trượt chân ngã xuống mỏm núi phía Bắc của ngọn Acropolis rồi.”

Ông Melas nghe xong rụng rời, lão đảo ngời phịch xuống một chiếc ghế thấp, tay bưng lấy mặt. Đúng lúc đó thì có tiếng chân chạy rầm rập vào, ngay sau lưng ông, và ông run lên khi thấy có bốn cánh tay chèoàng ôm lấy cổ mình.

Dù là người Sparta hần hoi, mắt ông Melas vẫn cứ nhòe đi khi ôm các con trong tay. Ông Anaxagoras đứng ngoài cửa mỉm cười trước cảnh tượng hạnh phúc, rồi nhẹ nhàng rời đi mà không đợi bất kì lời cảm ơn nào.

Sáng sớm hôm sau, một người nô lệ đem đến trước cửa nhà Phaon một gói đồ, nói là “Pericles Quan Chấp chính gửi cho những đứa trẻ dũng cảm người Sparta.” Hal chị em song sinh này giờ đang trông ngóng nó, và khi nó đến, thì hai đứa lại còn nóng lòng quay về nhà hơn, bởi vì Pericles đã dặn chúng là không được mở ra chừng nào chưa về đến nơi an toàn. Bà bác của hai đứa, người vợ của Phaon, quá sức tò mò muốn biết bên trong có gì. Ngoài ra, bởi vì bà ta đã nghe toàn bộ câu chuyện tối hôm qua và biết rằng bọn trẻ rất được lòng Pericles và nay được

ông chính thức đứng ra bảo trợ, sự trân trọng của bà dành cho bọn trẻ và những người Sparta cũng tăng lên ít nhiều.

“Hãy mở ra xem thứ Đại Quan Pericles gửi tặng phẩm gì cho các cháu!” bà ta xun xoe.

“Không, không được đâu ạ,” Daphne vội vã xua tay. “Ngài ấy dặn chúng cháu không được mở ra chừng nào chưa về tới nhà.”

“Vậy thì, thôi vậy,” vợ của Phaon sùng sĩa, “chỉ là ta sẽ không bao giờ biết được những thứ ở bên trong.”

“A,” Daphne tinh quái, “bác có biết câu chuyện nàng Pandora không ạ? Khi nào chưa đến lúc thì cháu không dám mở đâu ạ!” Nghe vậy, bà bác ngượng không dám nài nỉ nữa. Thật ra, cả ông Melas cũng không muốn nấn ná ở lại Athens sau sự việc xảy ra ngày hôm trước. Bọn trẻ rất sợ chạm trán Lampon, ông Melas thì chỉ có thể trút bỏ gánh nặng nếu như đưa được bọn trẻ về với mẹ chúng trong ngôi nhà im ắng ở trên đảo Salamis. Vì vậy, bố con họ liền từ biệt ông Phaon và bà vợ rồi lập tức khởi hành đến Piraeus.

Trên bến, họ thấy con thuyền đã sẵn sàng cho chuyến băng qua vịnh trở về nhà. Gần đó có một chiếc tàu Phi châu to lớn màu đen cũng đang chuẩn bị khởi hành đến Alexandria. Dion trở vào con tàu.

“Đáng lẽ giờ này chị em mình đang ở trên đó,” cậu bé nói với Daphne. Daphne che mắt lại, co rúm người vì kinh hãi.

Trời gần tối ba lữ khách mệt mỏi rũ rời của chúng ta mới leo hết quả đồi cuối cùng, đặt chân lên con đường mòn dẫn về nhà. Bà Lydia đang đứng đợi trước cổng nhà, có Chloe đằng sau, cả hai mỉm cười. Con Argos thì phóng tới mừng bọn họ, đuôi ngoáy tít, thích chí sủa vang.

Tối đó một bữa tiệc vui vẻ diễn ra xung quanh đồng lửa hồng. Bà Lydia chuẩn bị một bữa tiệc ngon lành để tẩy trần cho những lữ khách đường xa. Có gà quay, xúc xích, sữa dê và trái vả. Xong xuôi, bọn họ mở gói đồ ra trong ánh lửa bập bùng. Nếu như tất cả quà Giáng Sinh trong đời của bạn được mở ra một lần, đảm bảo cũng không tuyệt diệu bằng những món quà mà Pericles đã tặng cho Dion và Daphne. Mỗi đứa được tặng một chiếc áo choàng đỏ thẫm mềm mại, cài áo làm bằng vàng. Ngoài ra còn có một túi tiền vàng và hai quyển sách bằng giấy da tuyệt đẹp - tất cả đều viết tay, vì dĩ nhiên thời đó chưa có sách in. Bố mẹ bọn trẻ cũng có quà, song tuyệt nhất trong số đó là một lá thư với thủ bút của Pericles gửi đến “Nhà thơ Euripides, Đảo Salamis.” Kèm theo lá thư là một lời nhắn cho ông Melas, bảo ông hãy đọc lá thư vì Pericles muốn ông biết rõ nội dung. Sau đây là nội dung bức thư:

“Pericles Quan Chấp chính gửi đến Euripides Nhà thơ lời chào.

Những người mang thư này là bạn của ta, những người đã giúp ta một việc lớn lao. Nhờ lời cảnh báo kịp thời của bọn họ, ta có thể phá tan âm mưu biến ta trở thành kẻ thù địch của các thần trước toàn thể dân chúng. Để đền đáp ơn nghĩa này, ta tiến cử họ với ông trong tình bạn bè. Sẽ không có đóng góp gì cao quý cho Athens hơn là việc nuôi dưỡng những người bảo vệ thành bang ưu tú, giàu lòng ái quốc. Vậy nên, ta xin giao phó những đứa trẻ này cho ông dạy dỗ, cả bé trai lẫn bé gái. Ta mong ông truyền cho bọn trẻ một chút sự thông thái của mình, bởi vì bọn trẻ đã chứng tỏ mình xứng đáng với ân huệ này, và một ngày nào đó, thành bang Athens sẽ rất biết ơn ông về việc làm này.”

Và thế là từ đó, Dion và Daphne người Sparta không chỉ giàu tri thức về thời đại của mình, mà còn trở nên bạn hữu với Ngài Pericles người Athens và Nhà thơ Euripides. Có lẽ giờ này bọn họ vẫn đang vui vẻ dạo chơi trên những cánh đồng ở Elysium[8].

[1] Hy Lạp cổ đại được biết đến dưới tên gọi là Hellas.

[2] Đây là món súp truyền thống của người Sparta, nấu với huyết heo, thịt heo, và giấm.

[3] Bánh barley: làm từ lúa mạch, một loại bánh mì truyền thống của người Sparta.

[4] Trận thủy chiến nổi tiếng trong lịch sử Hy Lạp cổ đại, xảy ra vào khoảng năm 480 TCN giữa người Hy Lạp và người Ba Tư, sau cùng người Hy Lạp đã chiến thắng.

[5] Thành bang Athens thời kì này có đến 10 Quan Chấp chính, Pericles là người đứng đầu trong số họ.

[6] Thương cảng Piraeus, từ đây hàng hóa được đưa về trung tâm Athens.

[7] Theo thần thoại, 12 vị thần tối cao của Hy Lạp cư ngụ trên đỉnh núi Olympus. Thầy tư tế Lampon nói điều này có ý ca ngợi tài trí của Pericles sánh ngang với các vị thần, được các thần chúc phúc.

[8] Nơi yên nghỉ của các vị anh hùng và những người đức hạnh, theo quan điểm của người Hy Lạp cổ đại.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>